

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân cấp, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực toàn bộ từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân và cơ sở hỏa táng; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý cây xanh đô thị; Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch; Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định quản lý chiếu sáng đô thị, phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị; Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định về quản lý, phân công, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị

trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành quy định một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phân cấp cho Sở Xây dựng giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hòa Bình; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về hạn mức và chế độ quản lý đối với việc xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định phân cấp, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành danh mục cây trồng, cây cảnh trồng, cây trồng hạn chế tại đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Việt Văn

QUY ĐỊNH

**Phân cấp, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày /9/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đối với các nội dung sau:

- Kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị.
- Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.
- Hoạt động thoát nước.
- Hoạt động chiếu sáng đô thị.
- Quản lý cây xanh đô thị.
- Quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) và cơ sở hỏa táng.
- Quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước.
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị; sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; hoạt động thoát nước; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) và cơ sở hỏa táng; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Phân cấp quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ

1. Sở Xây dựng quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì; công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với các loại đường sau: Quốc lộ do Ủy ban nhân dân tỉnh được phân cấp quản lý, đường tỉnh, đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ và các tuyến đường, công trình đường bộ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Khu Di tích lịch sử Đền Hùng quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với Đường chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Khu di tích lịch sử Đền Hùng.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với Đường chuyên dùng trong nội bộ các khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì; công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn quản lý, trừ các tuyến đường tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 4. Điều chỉnh loại đường đối với hệ thống đường địa phương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh các loại đường: đường tỉnh, đường đô thị, đường chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý khi có thay đổi trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh các loại đường: đường xã, đường thôn khi có thay đổi trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi có quyết định điều chỉnh loại đường được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được phân cấp quản lý và đường địa phương

1. Các hình thức bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo

quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Chính phủ, gồm: Bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế.

2. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Khu Di tích lịch sử Đền Hùng, Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ quyết định áp dụng một trong các hình thức bảo trì đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên đường bộ được phân cấp quản lý tại Điều 3 của Quy định này như sau:

- a) Bảo trì theo chất lượng thực hiện;
- b) Bảo trì theo khối lượng thực tế;
- c) Kết hợp giữa hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện và theo khối lượng thực tế.

3. Việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ; thời hạn thực hiện đối với hợp đồng đấu thầu dịch vụ công bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; lập hồ sơ bảo dưỡng thường xuyên và ghi chép kết quả bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

Mục 2

ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG BỘ, CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI

Điều 6. Quy định chung về đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường xã đang khai thác

1. Vị trí nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường xã phải nằm trong các quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

2. Nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường xã nằm trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Nút giao đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường, bảo đảm an toàn giao thông và năng lực thông hành của tuyến đường.

4. Trường hợp sử dụng chung điểm đấu nối, chỉ thực hiện cho một công trình, dự án cùng phía tiếp giáp trực tiếp với đường nhánh của nút giao điểm đấu nối hiện hữu, không làm phát sinh điểm đấu nối mới; đồng thời tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung điểm đấu nối phải thực hiện cải tạo nút giao sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công. Việc chấp thuận thiết kế, cấp

giấy phép thi công thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Quy định này.

5. Trường hợp nút giao hiện hữu từ các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác đầu nối trực tiếp vào đường tỉnh, đường đô thị, đường xã đi qua khu vực, địa bàn mà tại các vị trí này, Ủy ban nhân dân các cấp chưa xây dựng đường bên, đường gom để gom các phương tiện tham gia giao thông thì được phép tồn tại nút giao hiện hữu cho đến khi có đường gom, đường bên với điều kiện nút giao đó phải bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 7. Đầu nối vào đường tỉnh

1. Đối với các điểm đầu nối đã có trong các quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư đã có nội dung về điểm đầu nối thì chủ đầu tư lập, gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 của Quy định này đến Sở Xây dựng để được xem xét, chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, vị trí điểm đầu nối phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí điểm đầu nối trên cơ sở báo cáo đề xuất của Sở Xây dựng.

3. Các tổ chức, cá nhân đề nghị vị trí điểm đầu nối phải tổ chức thực hiện đánh giá ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi bổ sung nút giao đầu nối vào đường đang khai thác đối với các nội dung sau:

Nhu cầu vận tải trên các đường nhánh cần đầu nối, lưu lượng xe hiện tại trên đường chính; khảo sát, điều tra và đưa ra dự báo lưu lượng xe tại các đường nhánh đầu nối vào đường chính, lưu lượng xe trên đường chính sau khi có nút giao; đánh giá quy mô, tình trạng kỹ thuật; điều kiện địa hình, mặt bằng, hệ thống thoát nước, các công trình hạ tầng khác khu vực dự kiến thiết kế nút giao và các đường nhánh, làn chuyển tốc thuộc phạm vi nút giao, các công trình hoàn trả (vía hè, điện chiếu sáng, tường bảo vệ, báo hiệu đường bộ); các đường nhánh, đường gom, đường bên và hệ thống đường bộ khác đã có trong khu vực; các nút giao đầu nối vào đường chính đã có phục vụ cho việc tận dụng làm điểm đầu nối chung hoặc xóa bỏ điểm đầu nối đã có và xây dựng đường gom, đường bên kết nối từ điểm đầu nối đã có về điểm đầu nối mới;

Xác định vị trí từng nút giao; loại nút giao đầu nối; quy mô đường nhánh đầu nối vào đường chính, việc xây dựng làn chuyển tốc tại từng nhánh nút giao đầu nối; phương án tổ chức giao thông phù hợp với nút giao đầu nối; các công trình phải xây dựng trong phạm vi nút giao đầu nối, công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, bồi thường giải phóng mặt bằng và hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến chính, công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng, nguồn lực thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng điểm đầu nối, căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của tuyến đường; lập và gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công nút

giao đầu nối theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

Trường hợp các nút giao thuộc dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế thì không phải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối, nhưng phải thực hiện thủ tục cấp phép thi công xây dựng.

Điều 8. Đầu nối vào đường đô thị, đường xã

1. Đối với các điểm đầu nối đã có trong các quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư đã có nội dung về điểm đầu nối thì chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 của Quy định này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được xem xét chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, vị trí điểm đầu nối đường nhánh vào đường đường xã, đường đô thị phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận vị trí điểm đầu nối.

3. Các tổ chức, cá nhân đề nghị vị trí điểm đầu nối phải tổ chức thực hiện đánh giá ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi bỏ sung nút giao đầu nối vào đường đô thị, đường xã đối với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này.

4. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng điểm đầu nối, căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường đô thị, đường xã, lập và gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

Trường hợp các điểm đầu nối thuộc dự án đầu tư đã được Sở Xây dựng, phòng chuyên môn cấp xã (theo phân cấp quản lý) thẩm định thì không phải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối, nhưng phải thực hiện thủ tục cấp phép thi công xây dựng.

Điều 9. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối

1. Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

Điều 10. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường xã

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối theo hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9

Quy định này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (Căn cứ Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ);

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đầu nối, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối, hồ sơ khảo sát địa hình; văn bản/quyết định chấp thuận vị trí đầu nối trừ vị trí đầu nối đã có trong các quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường đang khai thác.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Quy định này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với trường hợp nộp thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối theo Mẫu số 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (Căn cứ Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ). Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại Điều 11 Quy định này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

4. Đối với kết nối giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ đã được Sở Xây dựng, phòng chuyên môn cấp xã (theo phân cấp quản lý) thẩm định thì không phải thực hiện quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 11. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường xã, đường đô thị

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Quy định này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (Căn cứ Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ);

b) Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Quy định này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với trường hợp nộp thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại Mẫu số 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (Căn cứ Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ). Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối như sau:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối bằng tiến độ thực hiện dự án;

b) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a, khoản này thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công nút giao đầu nối;

c) Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp phép.

Mục 3 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH QUẢN LÝ** **KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng

đường bộ trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 36 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

2. Tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vị trí đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường bộ khác được giao quản lý.

3. Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý các tuyến đường, công trình đường bộ khác được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch giải tỏa, xử lý các vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý; xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương.

6. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí quản lý bảo trì đường bộ, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ xảy ra trên hệ thống đường bộ được giao quản lý.

7. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

8. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đầu tư trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

9. Gửi Quyết định công bố, điều chỉnh thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng Thông tin điện tử tỉnh) định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 3 hằng năm) và trong thời gian không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ.

10. Tổng hợp, cập nhật và công bố danh mục các điểm đầu nối trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng/lần.

11. Trước ngày 01 tháng 3 hằng năm, thực hiện công bố xếp loại đường đối với các tuyến đường được giao quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan trong quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông và Công an xã để thực hiện:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong công tác khảo sát, xác định vị trí lắp đặt đèn tín hiệu giao thông đường bộ theo yêu cầu tình hình thực tế;

- Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã vận hành khai thác và điều tiết hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ; hướng dẫn người tham gia giao thông chấp hành quy tắc giao thông để đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn toàn tỉnh, tránh xảy ra ùn tắc.

2. Sở Tài chính:

a) Căn cứ nguồn lực ngân sách địa phương, hằng năm phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định; thực hiện kiểm tra việc sử dụng ngân sách, quyết toán kinh phí theo đúng nội dung, mục đích và quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thanh toán, quyết toán chi phí quản lý, vận hành khai thác, sửa chữa và bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trong quá trình thẩm định hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và các nhiệm vụ khác được giao. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc quản lý, bảo vệ hành lang chông lấn giữa công trình giao thông với công trình đê điều, thủy lợi theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Đê điều, Luật Thủy Lợi và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sở Công Thương: Phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện hướng dẫn việc xây dựng các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực công thương (công trình điện, cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu, trạm nạp khí và các công trình trong lĩnh vực công thương khác) dọc theo đường bộ đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đăng tải, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh các công bố, điều chỉnh thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ do Sở Xây dựng, Khu Di tích lịch sử Đền Hùng, Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ và Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Khi thực hiện quy hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng dọc hai bên đường bộ phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, giới hạn hành lang an toàn đường bộ.

2. Khi quy hoạch cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu bán

đầu giá quyền sử dụng đất, các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và các dự án khác ven các trục đường giao thông, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chủ đầu tư phải xây dựng hệ thống đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, trường hợp không thể bố trí được đường gom ngoài hành lang an toàn đường bộ thì có thể bố trí trong hành lang an toàn đường bộ, tuy nhiên phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đường bộ và trình cấp có thẩm quyền chấp thuận điểm đầu nối.

3. Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 36 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì; đảm bảo kinh phí bảo trì và đầu tư xây dựng các công trình được giao quản lý.

4. Chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ, công trình đường bộ theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ; huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khắc phục thiên tai, bão lũ xảy ra trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân nâng cao ý thức thực hiện tốt các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn.

7. Chịu trách nhiệm quản lý hành chính trong việc sử dụng hè phố, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trên địa bàn; có biện pháp chống lấn chiếm hè phố, lòng đường, bảo đảm an toàn giao thông.

8. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, số liệu và năng lực mới tăng thêm hệ thống cầu, đường địa phương gửi về Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 6 hằng năm).

9. Gửi Quyết định công bố, điều chỉnh thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng Thông tin điện tử tỉnh) định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 3 hằng năm) và trong thời gian không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ.

10. Trước ngày 01 tháng 3 hằng năm, thực hiện công bố xếp loại đường đối với các tuyến đường được giao quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Khu Di tích lịch sử Đền Hùng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng

đường bộ đối với đường chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện công tác quản lý các tuyến đường được phân cấp quản lý tại Điều 3 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch giải tỏa, xử lý các vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

4. Tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí quản lý bảo trì đường bộ, giải tỏa hành lang đường bộ, phòng chống khắc phục thiên tai, bão lũ xảy ra trên hệ thống đường được giao quản lý.

5. Gửi Quyết định công bố, điều chỉnh thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng Thông tin điện tử tỉnh) định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 3 hằng năm) và trong thời gian không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT NGẦM ĐÔ THỊ

Điều 16. Nguyên tắc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu hạ tầng ngầm đô thị quy định tại Điều 16 Quy định này.
2. Không được chuyển dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng, trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu theo quy định.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về những sai sót thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của mình.
8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 18. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm

đô thị

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm đô thị thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm đô thị trên mạng Internet, Cổng thông tin điện tử của tỉnh;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu gửi văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu theo phân công, phân cấp tại Điều 20 Quy định này;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân. Thời hạn cung cấp dữ liệu theo quyết định phê duyệt thủ tục hành chính thực hiện tại các cơ quan. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị

1. Kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh được cân đối, bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Chi phí cung cấp tài liệu, dữ liệu về công trình ngầm đô thị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 20. Phân công, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý thông tin chung về dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn quản lý; lưu trữ và cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin về dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng công trình ngầm đô thị và quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị.

3. Tổng hợp kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh do các cơ quan được phân công, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu báo cáo để xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Đơn đốc xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Đăng tải công khai cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng và Cổng thông tin - giao tiếp điện tử tỉnh theo quy định hiện hành.

6. Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm ứng dụng GIS về hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị của tỉnh nhằm phục vụ lưu trữ, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu công trình ngầm đô thị trên môi trường điện tử với các cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định.

7. Thông báo với chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm trong phạm vi quản lý của ngành về thời hạn phải cung cấp (nộp) hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD.

8. Tổng hợp, báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh về Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Điều 22. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các Khu công nghiệp, gửi Sở Xây dựng tổng hợp trước ngày 31 tháng 11 hàng năm, để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp.

3. Quản lý, lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp; cung cấp dữ liệu công trình ngầm cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý và cung cấp cơ sở dữ liệu về công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp.

5. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp về Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn quản lý theo phân cấp, gửi Sở Xây dựng trước ngày 31 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Rà soát, cập nhật dữ liệu công trình ngầm đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý và các dự án, công trình ngầm trong đô thị do Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư, thẩm định, cấp phép theo phân cấp.

4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn quản lý theo phân cấp; cung cấp dữ liệu công trình ngầm cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn quản lý.

6. Đảm bảo kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc trách nhiệm quản lý (trừ các khu công nghiệp).

7. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn do mình quản lý về Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm

1. Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về công trình ngầm đang sở hữu theo quy định.

2. Cung cấp 01 bộ dữ liệu công trình ngầm đang sở hữu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Thông tư 11/2010/TT-BXD cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân công, phân cấp tại Điều 20 Quy định này trong vòng 90 ngày kể từ ngày công trình được đưa vào sử dụng, để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình xây dựng ngầm đô thị; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu do mình cung cấp.

3. Cập nhật biến động dữ liệu các công trình ngầm trong đô thị do mình đầu tư, đã được cấp phép xây dựng.

4. Trường hợp Chủ sở hữu công trình ngầm không cung cấp dữ liệu cho cơ quan quản lý theo phân công, phân cấp, nếu trong quá trình quy hoạch, xây dựng đô thị gây ảnh hưởng công trình ngầm thì chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả, thiệt hại do việc không cung cấp dữ liệu gây ra.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Công thương:

a) Thu thập, cập nhật, kiểm tra biến động dữ liệu hệ thống cáp điện hạ thế, trung thế và các công trình ngầm khác thuộc chức năng quản lý của Sở Công thương trong các Cụm công nghiệp nằm trong phạm vi các đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Xây dựng tình hình quản lý dữ liệu hệ thống cấp điện hạ thế, trung thế và các công trình ngầm trong các Cụm công nghiệp nằm trong phạm vi các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và công nghệ:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành địa phương tổ chức, xây dựng, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu hạ tầng ngầm đô thị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, kết nối liên thông, chia sẻ với các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu hạ tầng ngầm đô thị phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực;

c) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp viễn thông cập nhật biến động công trình, đường cáp viễn thông vào hệ thống cơ sở dữ liệu, kết nối liên thông, chia sẻ với hệ thống thông tin dùng chung tỉnh.

3. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các loại công trình ngầm đô thị được khuyến khích và ưu đãi đầu tư theo các quy định của pháp luật;

b) Cân đối, bố trí kinh phí xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị vào dự toán giao đầu năm cho các đơn vị theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, QUẢN LÝ TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, CUNG CẤP VÀ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Điều 26. Phân cấp quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước và tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị, khu công nghiệp.
2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý cấp nước trên địa bàn hành chính do mình quản lý trừ các khu công nghiệp; tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý trong vùng cấp nước có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Trường hợp hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch có phạm vi nằm trên hai địa bàn đô thị và nông thôn thì giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân công quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước cho Sở Xây dựng hoặc cho Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Xây dựng
 - a) Thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước đô thị, khu công nghiệp theo phân cấp tại Quy định này;
 - b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi cần thiết. Triển khai việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
 - c) Theo dõi, đôn đốc việc triển khai nội dung quy hoạch cấp nước thuộc phạm vi quản lý theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;
 - d) Phối hợp với các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước đô thị, khu công nghiệp;
 - đ) Thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành cấp nước đô thị, khu công nghiệp;
 - e) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn theo phân cấp tại Quy định này;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh khi cần thiết. Triển khai việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Theo dõi, đôn đốc việc triển khai nội dung quy hoạch cấp nước thuộc phạm vi quản lý theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

d) Phối hợp với các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước nông thôn;

đ) Thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành cấp nước nông thôn;

e) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ

a) Tổ chức quản lý hệ thống cấp nước trong phạm vi khu công nghiệp do đơn vị quản lý theo phân cấp tại Quy định này. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, sở chuyên ngành quản lý hệ thống cấp nước bên ngoài khu công nghiệp;

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung đơn vị cấp nước bán qua đồng hồ tổng cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp để phục vụ nhu cầu cấp nước trong phạm vi dự án đảm bảo về chất lượng, lưu lượng;

c) Yêu cầu các đơn vị cấp nước sạch cho khu công nghiệp phải đảm bảo cấp nước an toàn cho các doanh nghiệp, các đối tượng khác có liên quan trong phạm vi cấp nước;

d) Tổng hợp, cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước của các đơn vị cấp nước thuộc phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu;

đ) Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước trong phạm vi các khu công nghiệp về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách các dự án khai thác, xử lý và cung cấp nước trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; kết quả kiểm tra gửi các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, giám sát;

c) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng quý và đột xuất khi có yêu cầu.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với tất cả các đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký. Thực hiện nhiệm vụ phân vùng cấp nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và phải được thể hiện rõ ranh giới, phạm vi hiện trạng đã có cấp nước và các khu vực đơn vị cấp nước có nghĩa vụ phát triển mạng lưới tại văn bản ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước;

b) Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hằng năm và dài hạn trên địa bàn quản lý theo Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

c) Xem xét, chấp thuận bằng văn bản đối với việc ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ;

d) Xem xét, chấp thuận bằng văn bản đối với việc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước của một đơn vị cấp nước cho các tổ chức, cá nhân khác;

đ) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước;

e) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Rà soát, yêu cầu các đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý phải lập phương án giá tiêu thụ nước sạch theo từng vùng phục vụ cấp nước đã được xác định;

h) Tổng hợp, cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước của các đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 28. Đơn vị cấp nước

1. Lập và trình Ủy ban nhân dân cấp xã đã ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước hằng năm và dài hạn trong vùng phục vụ của đơn vị theo đúng quy định tại Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

2. Lấy ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ.

3. Lấy ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước cho các tổ chức, cá nhân khác.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên rà soát các khu vực chưa có hoặc thiếu nước sạch; thực hiện đầu tư mạng lưới đường ống cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân.

5. Triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước tuân thủ các quy định về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

6. Lập phương án tiêu thụ nước sạch theo từng vùng phục vụ cấp nước, thống nhất với Bên ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

7. Xây dựng, thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước do đơn vị quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo định kỳ trước ngày 01 tháng 6 và 01 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Ghi chú: Đối với nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ sẽ ban hành Quyết định quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với khu vực đô thị không đảm bảo hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nhằm cụ thể hóa Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QHH 15.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 29. Quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước là một nội dung của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết. Nội dung quy hoạch thoát nước thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024; Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ; QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TTBXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (viết tắt là QCVN 01:2021/BXD) và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải trong các đồ án quy hoạch tại các khu vực phát triển mới phải định hướng quy hoạch hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đầu nối, thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước cho các lưu vực, các vùng, khu vực hoặc khu dân cư tập trung. Các hệ thống thu gom, thoát nước thải, xử lý nước thải và hệ thống thoát nước mưa được định hướng bố trí trong các đồ án quy hoạch phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp giữa các cấp độ quy hoạch (quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng) và quy hoạch chuyên ngành có liên quan. Các khu vực hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung (nước thải và nước mưa đi chung đường ống, cống, rãnh, kênh mương thoát nước), trong các đồ án quy hoạch phải định hướng bố trí hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng (bố trí các giếng tràn nước mưa, các tuyến cống bao, cống gom để thu gom, vận chuyển nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung) theo quy định tại mục 2, khoản 2.11 của QCVN 01:2021/BXD và Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 03/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Đối với hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, chống ngập úng đô thị và nông thôn trong các đồ án quy hoạch, phải định hướng quy hoạch phát triển thoát nước bền vững góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo thoát nước an toàn, hiệu quả giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phải định hướng quy hoạch bảo tồn, phát triển mới và sử dụng hiệu quả các ao, hồ (tự nhiên và nhân tạo) để điều hòa nước mưa góp phần chống ngập úng cho các đô thị, khu dân cư tập trung nông thôn, đồng thời tạo cảnh quan và phục vụ các hoạt động của đô thị, nông thôn. Hệ thống thoát nước mưa được định hướng quy hoạch phải đảm bảo không có tình trạng ngập úng cục bộ thường xuyên kéo dài trong mùa mưa đối với các đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Các khu vực xây dựng mới trong các đồ án quy hoạch, khi định hướng quy hoạch hệ thống đường giao thông, phải quy hoạch vỉa hè đảm bảo đủ chiều rộng để bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi vỉa hè (hệ thống thu gom, thoát nước thải; cấp điện, điện chiếu sáng; cấp nước; cây xanh; thông tin liên lạc).

Điều 30. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với công trình thoát nước trên địa bàn, phạm vi do mình quản lý (trừ phạm vi, khu vực quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ), Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ là chủ sở hữu đối với công trình thoát nước trong phạm vi các Khu công nghiệp do mình quản lý, bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc một phần từ ngân sách nhà nước;

b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh và từ chủ đầu tư các dự án đô thị, nhà ở trên địa bàn quản lý;

c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu chức năng, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh là chủ sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thuộc phạm vi do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ trên địa bàn, phạm vi quản lý theo quy định.

Điều 31. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Tất cả các dự án, công trình thoát nước trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước (gọi tắt là Kế hoạch) hoặc Kế hoạch phát triển hạ tầng, phát triển đô thị hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được lập theo kỳ hạn 05 năm và được phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các dự án, công trình thoát nước trong Kế hoạch; trường hợp các Kế hoạch phát triển hạ tầng, phát triển đô thị hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà đã có nội dung về đầu tư phát triển thoát nước thì không cần thiết phải lập riêng Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước.

2. Các đô thị, khu dân cư tập trung phải được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, trong đó phải bảo tồn, đầu tư phát triển các ao, hồ điều hòa (tự nhiên và nhân tạo) theo quy hoạch, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt để điều hòa, tiêu thoát nước mưa đảm bảo hạn chế ngập úng cục bộ cho các đô thị, khu dân cư tập trung nông thôn khi thời tiết có mưa, đồng thời tạo cảnh quan và phục vụ các hoạt động của đô thị, nông thôn; phải được đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo,

mở rộng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thoát nước thải trong khu vực, để thu gom, vận chuyển nước thải về trạm/nhà máy xử lý nước và được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

3. Các công trình trạm/nhà máy xử lý nước thải tập trung được đầu tư xây dựng phải đảm bảo hoạt động đúng, đủ công suất thiết kế khi đưa vào quản lý, vận hành xử lý nước thải, đảm bảo hiệu quả việc đầu tư dự án.

4. Khi triển khai đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng các dự án đầu tư xây dựng (như giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng khác) có liên quan đến hệ thống thoát nước; trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo việc đầu tư xây dựng hạng mục hệ thống thoát nước thuộc dự án đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực và phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt.

5. Các dự án đầu tư xây dựng (như giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng khác) có liên quan đến hệ thống thoát nước khu vực, trường hợp khớp nối với hệ thống thoát nước đã có trong khu vực phải có ý kiến thống nhất thỏa thuận đầu nối bằng văn bản của chủ sở hữu hệ thống thoát nước trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án. Nội dung đầu nối với hệ thống thoát nước khu vực tuân thủ tại quy định này và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 32. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

1. Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư dự án và thực hiện đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hạng mục thoát nước, phải xem xét, đánh giá đảm bảo việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khác đồng thời với công trình hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa và thu gom, thoát nước thải theo quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt. Đặc biệt đối với các hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải chính (cống thoát nước ngang, cống thoát nước dọc đường, loại cống cấp 1, cống cấp 2, cống gom nước thải) thuộc mạng lưới thoát nước mà định hướng quy hoạch đi ngầm dưới lòng đường giao thông phải được đầu tư xây dựng đồng thời với công trình giao thông đường bộ. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý theo quy định trong quá trình lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước nằm trong đất của các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đang khai thác.

2. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành, ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Trường hợp chủ đầu tư các công trình thoát nước không đồng thời là chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình cho chủ sở hữu đảm bảo quy trình về xây dựng (bao gồm cả quy trình bảo trì công trình xây dựng) sau khi đã tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng. Việc bàn

giao hạng mục công trình, công trình xây dựng được thực hiện theo Điều 124 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Điều 27 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định có liên quan. Việc bảo hành, bảo trì hạng mục hệ thống thoát nước trong các dự án đầu tư xây dựng công trình tuân thủ theo quy định tại Điều 125, 126 của Luật Xây dựng năm 2014; khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Mục 1, 2 Chương III của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bảo trì, tạm thời quản lý, vận hành công trình xây dựng.

Điều 33. Quản lý hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, bùn thải, hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận

1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa, hồ điều hòa thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Điều 7 Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Quản lý bùn thải thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Điều 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý hệ thống các điểm xả, giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận trên địa bàn phạm vi quản lý; trừ phạm vi, khu vực quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ tổ chức quản lý hệ thống các điểm xả, giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, mạng lưới thoát nước (các cống, kênh mương, sông, suối, hồ điều hòa) trong phạm vi, khu vực được giao quản lý.

6. Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 34. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Đối với khu vực được xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh của các hộ thoát nước phải được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực để

chuyển tải về Trạm/Nhà máy xử lý nước thải tập trung, nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí xây dựng và hiệu quả vận hành hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải, đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định pháp luật; trừ trường hợp được miễn trừ đầu nối tại quy định này.

2. Xử lý nước thải phi tập trung (xử lý nước thải tại chỗ, theo cụm hoặc theo khu vực):

a) Nước thải phát sinh tại khu đô thị mới, khu dân cư tập trung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề, các cơ sở y tế, khu du lịch, điểm du lịch, chợ, trường học và các khu vực công cộng khác mà không có khả năng hoặc điều kiện thực tế chưa thể kết nối với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung thì được áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung;

b) Khi sử dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Điều 50 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Trạm/Nhà máy xử lý nước thải tập trung, phi tập trung phải được thể hiện trong quy hoạch đô thị và nông thôn, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và hồ sơ về môi trường được duyệt.

Điều 35. Quy định về lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước, đồng thời giao Đơn vị thoát nước khai thác, sử dụng và cập nhật hệ thống thoát nước mới tiếp nhận do mình được lựa chọn khai thác, vận hành.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 36. Điểm đầu nối, cao độ của điểm đầu nối

1. Điểm đầu nối:

a) Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng phải đầu nối vào hệ thống thoát nước (trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối tại Điều 40 của quy định này) và chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước sau khi đã có văn bản thỏa thuận của đơn vị thoát nước, theo đúng các quy định của thỏa thuận đầu nối với chủ sở hữu công trình thoát nước;

b) Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo kiên cố, ổn định, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng và quy định pháp luật;

c) Ống đầu nối thoát nước được đầu nối phù hợp với cấu tạo, kích thước, chất lượng đảm bảo theo quy định.

2. Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ sân, nền hoàn thiện của công trình, dự án, nhà ở của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào công trình, phần đất của các hộ thoát nước. Hộ thoát nước đầu nối phải tự bỏ kinh phí của mình để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết tránh nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước chung vào công trình, dự án, nhà ở.

Điều 37. Hộp đầu nối và trách nhiệm thực hiện đầu nối

1. Hộp đầu nối được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, được xây dựng đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hay xây mới hệ thống thoát nước. Hộp đầu nối được thi công xây dựng, lắp đặt đảm bảo chất lượng, ổn định lâu dài, thuận lợi cho việc thi công đầu nối, giao thông đi lại và công tác kiểm tra, giám sát, duy trì hoặc xử lý sự cố, sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng lắp đặt đường ống, tuyến cống vào hộp đầu nối để thoát nước từ trong khuôn viên đất của hộ thoát nước đến hộp đầu nối bằng kinh phí của mình. Các hộ thoát nước lân cận có thể đầu nối cùng vào một hộp đầu nối nếu đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và được đơn vị thoát nước chấp thuận. Việc đầu nối thực hiện theo quy định này, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 38. Thời điểm đầu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đầu nối được thực hiện đầu nối khi thỏa thuận đầu nối với đơn vị thoát nước theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đầu nối chưa phù hợp về điểm đầu nối, cao độ của điểm đầu nối tại quy định này thì trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày quy định này có hiệu lực và có thông báo về đầu nối hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, hộ thoát nước phải thực hiện điều chỉnh lại đầu nối đảm bảo phù hợp quy định này.

3. Đối với các hộ thoát nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) đã đầu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đầu nối chưa phù hợp về điểm đầu nối, cao độ của điểm đầu nối tại quy định này, thì chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày quy định này có hiệu lực và có thông báo về đầu nối hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày

06/8/2014 của Chính phủ, hộ thoát nước phải thực hiện điều chỉnh lại đầu nổi đảm bảo phù hợp quy định này, thời gian hoàn thành thực hiện điều chỉnh lại đầu nổi tối đa 06 tháng.

Điều 39. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nổi

Khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nổi:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định căn cứ số nhân khẩu (người) có trong hộ thoát nước với mức tối thiểu là 3m³/người/tháng đối với khu dân cư nông thôn tập trung và 4m³/người/tháng đối với đô thị và khu chức năng;

b) Đối với các loại nước thải khác: trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác).

Điều 40. Thỏa thuận, miễn trừ đầu nổi

1. Thỏa thuận đầu nổi là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đầu nổi, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nổi, thời điểm đầu nổi, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nổi.

2. Các trường hợp được miễn trừ đầu nổi vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà đã có trạm xử lý nước thải thuộc dự án được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng, dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng được phê duyệt theo quy định pháp luật về xây dựng; có kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, nước thải xả ra hệ thống thoát nước hoặc nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chức năng, cụm công nghiệp, làng nghề, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung mà đã có trạm xử lý nước thải tập trung thuộc dự án được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng, dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng được phê duyệt theo quy định pháp luật về xây dựng; có kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo

quy định pháp luật, nước thải xả ra hệ thống thoát nước hoặc nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 41. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị thoát nước xây dựng tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước (là loại tiêu chuẩn cơ sở, viết tắt là TCCS) hoặc chấp nhận TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng thành TCCS để áp dụng trong phạm vi hoạt động dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của đơn vị thoát nước và công bố TCCS theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn. Việc xây dựng và công bố để áp dụng tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước của đơn vị thoát nước nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của đơn vị thoát nước.

2. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước được xây dựng phải bảo đảm tính thống nhất với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9000:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Cơ sở và từ vựng, Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu và các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam; đảm bảo phù hợp với pháp luật về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu của quy định này, các quy định của pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường và quy định pháp luật liên quan. Nội dung của tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước phải thể hiện được:

a) Khả năng cung cấp một cách ổn định các dịch vụ thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, bùn thải, đáp ứng yêu cầu của khách hàng cũng như yêu cầu của quy định này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật liên quan;

b) Sự thỏa mãn của khách hàng thông qua việc áp dụng có hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ, bao gồm cả các quá trình để cải tiến hệ thống và đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu của khách hàng, yêu cầu của quy định này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật liên quan;

c) Hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, bùn thải, gồm các nội dung chính sau: Xác định phạm vi và các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ; sự lãnh đạo; hoạch định; hỗ trợ; thực hiện; đánh giá kết quả thực hiện; cải tiến.

Điều 42. Trách nhiệm của các sở, ngành trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác quản lý, đầu tư phát triển đối với hệ thống thoát nước địa bàn tỉnh gồm công tác lập quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, sử dụng hệ thống thoát nước; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý và phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định;

d) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ thoát nước (đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn khác);

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị liên quan đề có ý kiến thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước giữa chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng với các chủ đầu tư trong khu chức năng trước khi hai bên quyết định về mức giá (đối với khu chức năng: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu chức năng và quyết định về mức giá);

g) Thẩm định các đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, tham gia ý kiến đối với đồ án quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng theo phân công, phân cấp. Thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình thoát nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật hiện hành;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền trong việc ban hành kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu phát triển lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thoát nước địa bàn tỉnh;

j) Hướng dẫn các đơn vị trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đối tượng thu, mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và quy định pháp luật hiện hành;

l) Trong quá trình lập, thẩm định, hoặc tham gia ý kiến đầu tư các dự án công trình giao thông (đường quốc lộ, đường tỉnh, đường xã, đường đô thị) và thực hiện đầu tư xây dựng công trình giao thông (đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo được giao làm chủ đầu tư) có liên quan đến hạng mục thoát nước, phải phối hợp với các đơn vị liên quan để xem xét, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch đô

thị và nông thôn mà hướng tuyến giao thông đi qua, sự phù hợp tại quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam được ban hành, nhằm đảm bảo việc đầu tư xây dựng công trình giao thông đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải theo quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt. Đặc biệt đối với các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (cống thoát nước ngang, cống thoát nước dọc đường) quy hoạch đi ngầm dưới lòng đường giao thông phải được đầu tư xây dựng đồng thời với công trình giao thông đường bộ;

m) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cơ quan theo thẩm quyền xử lý vi phạm và phối hợp với các đơn vị liên quan đối với việc đấu nối hệ thống thoát nước từ các khu vực, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào các điểm xả của hệ thống thoát nước thuộc công trình giao thông được ủy thác quản lý hoặc giao quản lý (đường quốc lộ, đường tỉnh); hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công trình giao thông về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thuộc công trình giao thông;

n) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng định kỳ hằng năm (trước ngày 20 tháng 12 hằng năm) về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình, dự án thoát nước từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ trì thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

d) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, nông thôn, khu dân cư tập trung, khu chức năng để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa, phương thức đối tác công tư theo quy định pháp luật hiện hành;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá dịch vụ thoát nước (đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác, chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

g) Phối hợp với Sở Xây dựng để có ý kiến thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước giữa chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng với các chủ đầu tư trong khu chức năng trước khi hai bên quyết định về mức giá (đối với khu chức năng:

Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu chức năng và quyết định về mức giá);

h) Hướng dẫn việc lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (trong trường hợp tổ chức đấu thầu) đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu chức năng, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận theo thẩm quyền được phân công, phân cấp; hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền được phân công, phân cấp; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo danh sách nguồn thải xả thải trực tiếp nước thải ra môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp, hỗ trợ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, giám sát chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan; phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan quy định về hoạt động xả nước thải, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước;

d) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (công trình kênh, mương, hồ đập) liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải từ các khu vực, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí điểm xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định;

e) Thẩm định hồ sơ về Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước theo phân công phân cấp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt/cấp giấy phép theo quy định pháp luật;

h) Hướng dẫn các đơn vị liên quan khi thực hiện tham mưu cho cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí các nguồn lực để thực hiện dự án hệ thống thoát nước trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của tỉnh Phú Thọ (nguồn vốn ngân sách chi

thường xuyên cho bảo vệ môi trường, chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; nguồn vốn xã hội hóa cho bảo vệ môi trường) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Phối hợp với Sở Xây dựng lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước thải trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổ chức thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bùn thải;

b) Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị có liên quan để lựa chọn công nghệ xử lý nước thải, bùn thải trên địa bàn tỉnh với mục tiêu ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chủ trì, tham mưu, đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải, bùn thải.

5. Công an tỉnh

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công tác đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ động, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh trong việc nắm bắt, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các dự án thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ động tiến hành kiểm tra đột xuất đối với tổ chức, cá nhân khi có dấu hiệu hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm môi trường (đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải); khi có tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có tin báo, phản ánh về vi phạm pháp luật liên quan đến tội phạm môi trường và thông tin cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp; phối hợp kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong các trường hợp khác đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hằng năm, gửi văn bản thông báo kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải (nếu có kiểm tra, xử lý) đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 160 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Các sở: Y tế; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc quản lý nhà nước về đầu tư xây

dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước của các cơ sở y tế, khu chức năng, cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, chợ, điểm du lịch, khu vực công trình công cộng trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực quản lý, thực hiện đảm bảo theo quy định này và quy định pháp luật hiện hành; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra về đầu tư xây dựng, quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đối với các đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị được giao quản lý hoặc dự án được giao làm chủ đầu tư; báo cáo định kỳ (trước ngày 30/10 hằng năm) về Sở Xây dựng theo dõi, tổng hợp;

b) Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hoặc tham gia ý kiến về quy hoạch, thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, đề án phát triển chuyên ngành được giao làm chủ đầu tư hoặc quản lý (đối với các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các khu chức năng, cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, chợ, điểm du lịch, khu vực công trình công cộng) phải xem xét, đánh giá về hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đảm bảo theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định pháp luật chuyên ngành quản lý.

7. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ

a) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu vực được giao quản lý và do mình làm chủ sở hữu. Tổ chức lựa chọn (giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu), ký hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải với đơn vị thoát nước tại khu vực, địa bàn được giao quản lý theo quy định này và quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, mạng lưới thoát nước (các kênh mương, sông, suối, hồ điều hòa) trong phạm vi, khu vực được giao quản lý. Giao nhiệm vụ, phân cấp cho đơn vị chuyên ngành hoặc lựa chọn đơn vị theo quy định pháp luật có đủ năng lực để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì công trình, nạo vét hệ thống thoát nước theo quy định. Thỏa thuận đầu nối đối với hệ thống thoát nước mà chưa giao cho đơn vị thoát nước hoặc đơn vị kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp quản lý;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng để lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong phạm vi các Khu công nghiệp thuộc địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ theo quy định;

c) Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền được phân cấp đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn, khu chức năng, quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng, các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư tập trung phải xem xét, đánh giá về hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước thải đảm bảo theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định liên quan được ban hành. Trong quá trình tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn phải bố trí quỹ đất cho Trạm/Nhà máy xử lý nước thải, Trạm bơm nước mưa, nước thải, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải đảm bảo thoát nước cho các phân vùng lưu vực tiêu thoát nước của khu vực theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định liên quan được ban hành;

d) Trường hợp tại địa bàn phạm vi quản lý chưa lựa chọn được đơn vị thoát nước, thì phải thực hiện các trách nhiệm của đơn vị thoát nước tại quy định này và các quy định khác có liên quan;

e) Phối hợp với Sở Xây dựng để có ý kiến thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước giữa chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng với các chủ đầu tư trong khu chức năng trước khi hai bên quyết định về mức giá (đối với khu chức năng: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu chức năng và quyết định về mức giá);

g) Tổ chức lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, địa bàn giao quản lý theo quy định tại Điều 35 của quy định này. Tổng hợp tình hình quản lý và đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn phạm vi quản lý, báo cáo định kỳ (trước ngày 30/10 hằng năm) về Sở Xây dựng theo dõi, tổng hợp, gồm: Thực trạng về xây dựng phát triển; tình hình lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch và triển khai quy hoạch; tình hình đầu tư xây dựng và triển khai dự án đầu tư xây dựng; quản lý giá dịch vụ thoát nước và các nội dung khác có liên quan theo quy định;

h) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông được giao quản lý; chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý. Tổ chức quản lý hệ thống các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn phạm vi quản lý xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận. Tổ chức quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn phạm vi quản lý. Có văn bản gửi Cơ quan có thẩm quyền để xử lý vi phạm quy định về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành;

j) Phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, địa bàn được giao quản lý theo quy định được phân công, phân cấp;

k) Tham gia công tác nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do các tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng hoàn thành chuyển giao cho nhà nước quản lý theo phân cấp;

l) Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

m) Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải tại khu vực, địa bàn được giao quản lý theo quy định của Thông tư

số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Thực hiện chức năng làm chủ đầu tư dự án phát triển thoát nước, dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, địa bàn được giao quản lý; hoặc kêu gọi xã hội hóa đầu tư dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải trong các khu công nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên địa bàn, phạm vi quản lý đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quản lý để bố trí quỹ đất cho công trình thoát nước, xử lý nước thải theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý theo quy định của Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Chủ động thực hiện đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý bằng nguồn vốn ngân sách xã, phường, hoặc vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ nhằm đảm bảo đạt các mục tiêu, chỉ tiêu của các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của các Cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định pháp luật hiện hành. Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quản lý theo quy định này.

2. Phối hợp các cơ quan chuyên môn và các đơn vị thoát nước tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý bùn thải do mình làm chủ sở hữu và do các tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng hoàn thành bàn giao cho nhà nước theo quy định này, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức lựa chọn (giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu), ký hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải với đơn vị thoát nước trên địa bàn được giao quản lý theo quy định này và quy định của pháp luật hiện hành. Giao nhiệm vụ cho đơn vị chuyên ngành hoặc lựa chọn đơn vị theo quy định pháp luật có đủ năng lực để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì công trình, nạo vét hệ thống thoát nước theo quy định. Thỏa thuận đấu nối đối với hệ thống thoát nước mà chưa giao cho đơn vị thoát nước quản lý, vận hành.

3. Phối hợp, cung cấp thông tin số liệu cho Sở Xây dựng để lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát các quy hoạch đô thị và nông thôn và hiện trạng thực tế thoát nước trên địa bàn quản lý để tổng hợp các hệ thống thoát nước chưa được đầu tư xây dựng để cập nhật vào Kế hoạch và triển khai

đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý đảm bảo tuân thủ quy định này và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền được phân cấp đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng, các dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu chức năng, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung, điểm dân cư nông thôn phải xem xét, đánh giá các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, chống ngập úng đô thị, nông thôn, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải đảm bảo theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định liên quan được ban hành. Trong quá trình tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất phải bố trí quỹ đất cho Trạm/Nhà máy xử lý nước thải, Trạm bơm nước mưa, nước thải hệ thống thu gom nước mưa, nước thải đảm bảo thoát nước cho các phân vùng lưu vực tiêu thoát nước của khu vực theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định liên quan được ban hành. Trong đó phải bố trí hệ thống thu gom tách riêng nước mưa với nước thải theo quy định.

5. Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật (đối với dự án được giao làm chủ đầu tư) có liên quan đến hạng mục thoát nước, phải xem xét, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn mà hướng tuyến giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đi qua, sự phù hợp tại quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam được ban hành, nhằm đảm bảo việc đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thoát nước thải theo quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt. Đặc biệt đối với các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (cống thoát nước ngang, cống thoát nước dọc đường) quy hoạch đi ngầm dưới lòng đường giao thông phải được đầu tư xây dựng đồng thời với công trình giao thông đường bộ.

6. Trường hợp tại địa bàn phạm vi quản lý chưa lựa chọn được đơn vị thoát nước, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện các trách nhiệm của đơn vị thoát nước tại quy định này và các quy định khác có liên quan.

7. Tổ chức lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 35 của quy định này. Tổng hợp tình hình quản lý và đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn phạm vi quản lý, báo cáo định kỳ (trước ngày 30/10 hằng năm) về Sở Xây dựng theo dõi, tổng hợp, gồm: Thực trạng về xây dựng phát triển; tình hình lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch và triển khai quy hoạch; tình hình đầu tư xây dựng và triển khai dự án đầu tư xây dựng; quản lý giá dịch vụ thoát nước và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

8. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải trên địa bàn phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải của các tổ chức, cá

nhân trên địa bàn quản lý; kiểm tra, kiểm soát, giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận, hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý. Tổ chức quản lý hệ thống các điểm xả trên địa bàn quản lý. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn phạm vi quản lý.

10. Tham gia công tác nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận quản lý hệ thống thoát nước do các tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng hoàn thành chuyển giao cho nhà nước quản lý theo phân cấp.

11. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tích cực triển khai xã hội hóa cho đầu tư phát triển hệ thống thoát nước có quy mô lớn trên địa bàn quản lý. Chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách, triển khai thực hiện đầu tư phát triển hệ thống thoát nước có quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn quản lý.

12. Triển khai quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý, nhất là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình đối với việc đấu nối, xả thải nước thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và thực hiện nghĩa vụ về dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải theo quy định này và pháp luật hiện hành.

13. Tuyên truyền, phổ biến, vận động các tổ chức, cá nhân bảo vệ hệ thống thoát nước công cộng trên địa bàn và thực hiện nghĩa vụ về dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải theo quy định này và pháp luật hiện hành.”.

Điều 44. Trách nhiệm đơn vị thoát nước

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị thoát nước theo quy định này, hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã ký với chủ sở hữu, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thông báo cho cộng đồng dân cư, các hộ thoát nước thuộc phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối đã được đầu tư xây dựng, để cho cộng đồng dân cư, các hộ thoát nước được biết về quy định đấu nối hệ thống thoát nước, để thực hiện đấu nối thoát nước hoặc thực hiện điều chỉnh lại đấu nối thoát nước theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và tại quy định này. Cung cấp thông tin về điểm đấu nối, cao độ điểm đấu nối của hệ thống thoát nước, thỏa thuận đấu nối cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

3. Báo cáo định kỳ (trước ngày 30/10 hằng năm) về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (trong đó phải báo cáo rõ về tình hình về chất lượng nước thải của hệ

thống thoát nước xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận) được giao tới chủ sở hữu và Sở Xây dựng Phú Thọ.

4. Tổ chức lực lượng của đơn vị thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo vệ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, bùn thải trong phạm vi được giao quản lý; không được để bị xâm hại, hư hỏng. Kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 45. Trách nhiệm các tổ chức quản lý, sử dụng công trình chuyên ngành

Trong quá trình thi công, sửa chữa, xử lý kỹ thuật công trình chuyên ngành, có trách nhiệm thông báo, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị đang thực hiện dịch vụ về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước để bảo đảm kỹ thuật, chất lượng và sự an toàn về hệ thống thoát nước trước khi triển khai xây dựng, sửa chữa công trình chuyên ngành.”.

Điều 46. Trách nhiệm các Chủ đầu tư dự án phát triển đô thị, nông thôn; khu chức năng; khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, điểm dân cư; các dự án hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở y tế, du lịch, công trình công cộng

1. Trong quá trình tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt đối với các quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng, lập, trình thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư dự án phải thực hiện các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải đảm bảo theo quy định này và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định liên quan được ban hành.

2. Thực hiện nghiêm túc đầu tư xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải theo quy hoạch chi tiết xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt, giấy phép xây dựng được cấp (nếu có) đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng của công trình, từng phần công trình, hạng mục công trình, hoàn thành, nghiệm thu theo quy định này, quy định pháp luật xây dựng và các quy định có liên quan.

3. Thực hiện nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì đối với dự án đầu tư xây dựng hoặc với hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải trong các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định này, quy định pháp luật xây dựng và các quy định có liên quan.

4. Thực hiện đấu nối, xả nước thải, thoát nước mưa tại điểm đấu nối vào hệ thống thoát nước theo quy định này và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động, sau khi hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư xây dựng, bàn giao đưa vào khai thác, quản lý, vận hành phải thực hiện đấu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải và phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng

tháng theo quy định này, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, pháp luật về môi trường và các quy định hiện hành.

6. Đối với chủ sở hữu hệ thống thoát nước của khu chức năng (là chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng) mà có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án trong khu chức năng để lập giá dịch vụ thoát nước, gửi Sở Xây dựng để được tham gia ý kiến thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước giữa chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng với các chủ đầu tư trong khu chức năng trước khi hai bên quyết định về mức giá theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

7. Đối với chủ sở hữu hệ thống thoát nước của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp và các dự án khác mà được đầu tư từ các nguồn vốn khác mà có hệ thống xử lý nước thải tập trung, phi tập trung, chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; làm cơ sở thanh toán tiền dịch vụ thoát nước trong khu vực thực hiện dự án của chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Điều 47. Trách nhiệm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thoát nước thải, xử lý nước thải

1. Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn.
2. Xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải đúng quy định này, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
3. Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước.
4. Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình, dự án và nhà ở vào hệ thống thoát nước chung đảm bảo theo quy định này và văn bản thỏa thuận đấu nối.
5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.
6. Tham gia tuyên truyền vận động cộng đồng dân cư, người thân trong gia đình tự giác, chủ động trong sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải tuân thủ quy định này và pháp luật hiện hành.
7. Các trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI
CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 48. Thiết kế chiếu sáng đô thị

1. Thiết kế công trình chiếu sáng đô thị phải tuân theo quy hoạch, quy định chiếu sáng đô thị, dự án được duyệt, các tiêu chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị đối với từng công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng và theo xu hướng ngâm hóa, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng (như đèn LED, đèn 2 cấp công suất...) và áp dụng công nghệ, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

2. Thiết kế chiếu sáng đối với công trình giao thông đô thị

a) Thiết kế chiếu sáng vỉa hè, đường giao thông, hầm đường bộ, cầu và đường trên cao, nút giao thông phải tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị, phòng chống cháy nổ;

b) Sử dụng các bóng đèn và cột đèn có hình dáng, kích thước phù hợp với từng khu vực, tuyến đường nhưng có tính thẩm mỹ, phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường xung quanh; đảm bảo các thông số kỹ thuật độ chói, hệ số đồng đều dọc trục... theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chiếu sáng hiện hành có liên quan;

c) Chiếu sáng trên các cầu và đường trên cao (cầu cạn) phải sử dụng đèn chiếu sáng tương đồng với chiếu sáng của phần đường nối tiếp với cầu, sử dụng những loại đèn tránh gây lóa, an toàn và đảm bảo tính dẫn hướng đối với các đối tượng tham gia giao thông;

d) Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông phải xây dựng đồng bộ các công trình chiếu sáng đô thị.

3. Thiết kế chiếu sáng đối với đường ngõ, xóm:

a) Thiết kế chiếu sáng có quy mô phù hợp với quy mô của đường, chiều cao hợp lý, sử dụng nguồn sáng tiết kiệm điện, an toàn, mỹ quan đô thị và được đóng cắt vận hành từ tủ điều khiển chiếu sáng độc lập hoặc từ tủ điều khiển đường phố kết nối được với trung tâm điều khiển, đèn ở các vị trí góc phải được vận hành 1 chế độ;

b) Khi lắp dựng cột đèn mới phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và theo thiết kế được duyệt;

c) Trường hợp không dựng được cột đèn mới, đơn vị thiết kế phải thiết kế giải pháp an toàn và chủ đầu tư phải thỏa thuận với đơn vị quản lý cột điện lực để lắp đèn chiếu sáng hoặc gắn vào vật kiến trúc khác nhưng phải đảm bảo mỹ quan và an toàn trong mọi điều kiện.

4. Đối với các dự án cải tạo chiếu sáng công cộng đô thị, cải tạo hạ tầng kỹ thuật đô thị có ảnh hưởng đến chiếu sáng hiện hữu thực hiện theo Luật Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 49. Chiếu sáng đối với không gian công cộng trong đô thị

1. Các khu vực cần được thiết kế chiếu sáng không gian công cộng đô thị được quy định tại Khoản 1, Điều 14, Nghị định 79/2009/NĐ-CP, bao gồm: Công viên,

vườn hoa, quảng trường, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông và các không gian công cộng có ý nghĩa về chính trị, lịch sử, văn hóa trong đô thị. Việc chiếu sáng không gian công cộng phải góp phần tăng tính thẩm mỹ không gian đô thị, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố cảnh quan như cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, mặt nước với các công trình kiến trúc, tượng đài, đài phun nước và các công trình khác.

2. Chiếu sáng công viên, vườn hoa

Việc thiết kế chiếu sáng công viên, vườn hoa phải phù hợp với cảnh quan kiến trúc, thiết kế đô thị và đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật; các cột đèn chiếu sáng, nguồn sáng phải làm tăng giá trị cảnh quan không gian kiến trúc và đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ. Khi thiết kế chiếu sáng công viên vườn hoa cần bố trí các tủ cấp điện cho chiếu sáng trang trí phục vụ các ngày lễ, tết, sự kiện của đô thị, của tỉnh.

3. Thiết kế chiếu sáng quảng trường, nút giao thông

Chiếu sáng các nút giao thông quảng trường phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn chiếu sáng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, độ chói mặt đường yêu cầu không nhỏ hơn độ chói các đường chính dẫn vào nút giao thông. Việc thiết kế chiếu sáng ưu tiên dùng cột thép có chiều cao thích hợp để lắp đèn pha chiếu sáng rộng. Việc thiết kế phải đồng bộ chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài các công trình xung quanh quảng trường.

Điều 50. Chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài công trình

1. Các công trình cần được thiết kế chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài công trình được quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định 79/2009/NĐ-CP, bao gồm: Các công trình kiến trúc, xây dựng; các công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao; tháp truyền hình; ăng ten thu, phát sóng có kiểu dáng, hình ảnh và vị trí tạo điểm nhấn của đô thị hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến bộ mặt kiến trúc và cảnh quan đô thị phải được chiếu sáng mặt ngoài hoặc một phần mặt ngoài của công trình.

2. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc phải phối hợp hài hòa các giải pháp:

- a) Chiếu sáng chung đồng đều trên các bề mặt chính công trình;
- b) Chiếu sáng cục bộ để khắc họa chi tiết kiến trúc đặc thù (như cột nhà, cửa sổ, chóp mái...);
- c) Kết hợp với chiếu sáng không gian xung quanh công trình như không gian cây xanh xung quanh công trình, chiếu sáng trang trí mặt bằng khu vực công trình để tăng hiệu quả thẩm mỹ cho công trình kiến trúc.

3. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc các tòa nhà cao tầng:

- a) Các tòa nhà cao tầng có chiều cao có thể ảnh hưởng đến hoạt động hàng không phải có đèn báo không theo quy định tại Quy chế không lưu hàng không dân dụng của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng);
- b) Chiếu sáng trang trí kiến trúc các tòa nhà vận hành ở 2 chế độ: chế độ ngày thường và chế độ ngày chủ nhật, ngày lễ, tương ứng với các công suất tiêu thụ khác

nhau để đảm bảo thẩm mỹ và tiết kiệm điện.

4. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc các công trình kiến trúc có ý nghĩa lịch sử, văn hóa: Đối với các công trình kiến trúc có ý nghĩa lịch sử, văn hóa ở các vị trí trung tâm, dọc các tuyến phố chính hoặc có ảnh hưởng đến không gian đô thị phải có thiết kế chiếu sáng kiến trúc.

5. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng các công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổ chức chiếu sáng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 51. Chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội

1. Chiếu sáng quảng cáo phải tuân thủ các quy định của Luật Quảng cáo năm 2012, Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm sự an toàn, tính thẩm mỹ của đô thị, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông và các hoạt động khác của các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Chiếu sáng trang trí, phục vụ khu vực lễ hội phải bảo đảm các yêu cầu:

Đa dạng, phù hợp từng vị trí trang trí làm tăng không khí buổi lễ, phù hợp với giá trị thẩm mỹ, cảnh quan kiến trúc đô thị và phù hợp với tính chất, nội dung của các ngày lễ, đảm bảo tính thẩm mỹ cả ban ngày và ban đêm; các khung hoa văn trang trí, các đèn LED được sử dụng phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm vận hành lâu dài ngoài trời, thuận tiện trong quá trình thi công lắp đặt và tháo dỡ.

Việc tổ chức chiếu sáng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 52. Chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng

1. Đảm bảo những nội dung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Việc chiếu sáng phải đảm bảo hài hòa với cảnh quan xung quanh, không làm ảnh hưởng xấu đến mỹ quan đường phố, tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Điều 53. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Chủ đầu tư, đơn vị thi công công trình chiếu sáng đô thị phải tuân thủ quy định của Bộ Xây dựng về việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình.

2. Đơn vị được giao quản lý, vận hành và bảo trì chiếu sáng công cộng đô thị có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ liên quan đến việc quản lý và vận hành chiếu sáng đô thị.

3. Cơ quan quản lý nhà nước lưu giữ hồ sơ đối với chiếu sáng đô thị theo phân công, phân cấp quản lý.

Điều 54. Quản lý vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng

1. Việc quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng phải đảm bảo đóng cắt an toàn, phòng chống cháy nổ theo quy định pháp luật.

2. Công tác quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng phải thực hiện theo đúng quy trình quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

3. Toàn bộ việc vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng phải được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ nhật ký vận hành theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý vận hành trạm và hồ sơ nhật ký vận hành làm cơ sở để thanh quyết toán theo quy định.

Điều 55. Quản lý trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị

Khi các trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh được xây dựng và đưa vào sử dụng. Đơn vị được giao quản lý vận hành Trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ; các quy định về quản lý, vận hành đã cam kết trong hợp đồng, cụ thể:

1. Điều chỉnh linh hoạt thời gian đóng cắt chiếu sáng tại các khu vực từ trung tâm theo tình hình thời tiết, giảm tiêu thụ điện năng nhưng phải đảm bảo an toàn.

2. Từ trung tâm cho phép đóng cắt và giám sát tới từng tủ chiếu sáng.

3. Quan sát tức thời các thông số điện áp, dòng điện. Báo hiệu sự cố khi có tình trạng chập chập, quá tải và các hiện tượng câu móc điện.

4. Quản lý số liệu vận hành: Tình trạng đóng cắt, mức độ tiêu thụ điện năng.

5. Tổng hợp số liệu, chiết xuất các báo cáo phục vụ công tác quản lý.

Điều 56. Công tác thay thế vật tư, thiết bị duy trì chiếu sáng công cộng đô thị

1. Đơn vị quản lý vận hành chiếu sáng có trách nhiệm lập kế hoạch dự toán bảo trì thay thế sửa chữa chiếu sáng, bảo đảm chiếu sáng và an toàn hệ thống, hoạt động ổn định đạt tỷ lệ sáng theo quy định và vận hành an toàn. Các vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cần được thay thế kịp thời để duy trì chiếu sáng công cộng hoạt động tốt với chi phí thấp nhất.

2. Thay thế sửa chữa vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc mất an toàn: Các vật tư, thiết bị hư hỏng làm cho một hoặc nhiều đèn không hoạt động bình thường hoặc có khả năng gây nguy hiểm cho người và tài sản cần được xử lý sửa chữa ngay để đảm bảo an toàn.

3. Thay thế thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật: Các vật tư, thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (như bóng đèn già gây hiện tượng giảm quang thông, sáng

không ổn định; ballast rung, phát tiếng động lớn khi hoạt động...) phải được lập dự toán duy trì để sửa chữa, thay thế.

Điều 57. Công tác quản lý, vận hành hệ thống cột đèn chiếu sáng

1. Đơn vị quản lý, vận hành chiếu sáng thực hiện:

a) Lập kế hoạch duy tu hệ thống cột, thống kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các đơn vị có hệ thống đường dây đi nổi trên cột để phối hợp xử lý, có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và sắp xếp lại các đường dây treo trên cột đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị;

b) Lập danh sách thống kê, cập nhật trên bản vẽ vị trí các cột đèn chiếu sáng.

2. Khi có sự cố cột, các tình huống khẩn cấp, đơn vị quản lý vận hành chiếu sáng là đầu mối phối hợp với các đơn vị có đường dây khắc phục sự cố:

a) Khắc phục tạm thời (để đảm bảo an toàn, đảm bảo không ùn tắc giao thông,...) chậm nhất là sau 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Trong giai đoạn khắc phục tạm thời, phải đảm bảo các tuyến đường dây, cáp vận hành thông suốt và đảm bảo an toàn tại hiện trường;

b) Khắc phục triệt để chậm nhất là sau 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Đối với những trường hợp đòi hỏi thời gian khắc phục triệt để kéo dài quá 3 ngày cần phải dựng cột mới thay thế.

3. Trong trường hợp nâng cấp, cải tạo hoặc dỡ bỏ hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng hiện có, tổ chức hoặc cá nhân có thiết bị gắn trên hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng này phải tự dịch chuyển hoặc dỡ bỏ những thiết bị đó trong thời gian quy định bằng nguồn vốn của đơn vị hoặc cá nhân đó.

Điều 58. Phân công trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chiếu sáng đô thị; tổng hợp và phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị;

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ liên quan đến quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh;

d) Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị;

e) Theo dõi, tổng hợp dữ liệu về chiếu sáng đô thị và tình hình hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công để đầu tư phát triển chiếu sáng công cộng đô thị; cân đối kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh để phục vụ công tác quản lý, vận hành, bảo trì và phát triển chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư trong hoạt động chiếu sáng đô thị theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thanh, quyết toán các khoản chi phí liên quan đến chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định.

3. Sở Công Thương:

a) Chỉ đạo Công ty điện lực Phú Thọ, các đơn vị quản lý vận hành hạ tầng lưới điện ngoài EVN trên địa bàn tỉnh thực hiện đảm bảo nguồn điện duy trì hoạt động thường xuyên, an toàn, đáp ứng yêu cầu của chiếu sáng đô thị đảm bảo cung cấp điện ổn định cho chiếu sáng công cộng đô thị;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc quản lý, vận hành, bảo trì chiếu sáng đô thị và việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng đô thị;

c) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng điện chiếu sáng tiết kiệm điện, an toàn, đúng mục đích, bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý chiếu sáng công trình văn hóa, lịch sử, tượng đài, đài tưởng niệm, vườn hoa, công viên, chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội, đảm bảo an toàn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Cung cấp thông tin công nghệ khoa học mới về quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng, hướng dẫn các đơn vị áp dụng khoa học và công nghệ trong quản lý chiếu sáng đô thị.

6. Công an tỉnh:

a) Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng để điều tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật các hành vi phá hoại, trộm cắp vật tư, trang thiết bị của hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị trên địa

bàn;

b) Chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm liên quan đến chiếu sáng đô thị và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Phân cấp và trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

2. Tổ chức thực hiện quản lý hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn thuộc quyền quản lý, ban hành các quy định cụ thể về quản lý chiếu sáng đô thị theo phân cấp, tổ chức kiểm tra việc thực hiện.

3. Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng đô thị có đủ năng lực theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển chiếu sáng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện để đưa vào chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

5. Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế ngân sách cấp xã hàng năm đảm bảo cho hoạt động của chiếu sáng đô thị được phân cấp quản lý theo quy định hiện hành.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý chiếu sáng trên địa bàn.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị.

8. Kiểm tra, xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn theo quy định.

9. Xem xét chấp thuận chiếu sáng quảng cáo, chiếu sáng trang trí, chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội phù hợp vị trí, quy mô của mỗi công trình hoặc khu vực cụ thể trong đô thị theo quy định tại Khoản 5, Điều 17 của Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

10. Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) hoặc đột xuất báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn.

Điều 60. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng đô thị

1. Thực hiện đúng nội dung và yêu cầu trong hợp đồng giữa cơ quan cấp xã và đơn vị được giao quản lý, vận hành.

2. Quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng đô thị theo nội dung quy định tại

Điều 23 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định cụ thể về quản lý chiếu sáng đô thị do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

3. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/09/2009 của Chính phủ.

Điều 61. Trách nhiệm của các Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng

Chủ đầu tư các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án có liên quan đến chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và xây dựng chiếu sáng đô thị. Thiết kế và thi công xây dựng các công trình chiếu sáng đô thị phải gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại và bảo đảm mỹ quan đô thị. Sau khi xây dựng hoàn thành, có trách nhiệm quản lý đồng bộ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị hoặc bàn giao cho các cơ quan quản lý theo nội dung chấp thuận đầu tư dự án.

Chương VII

PHÂN CẤP, QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 62. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý cây xanh đô thị thuộc địa bàn hành chính quản lý; tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị thông qua hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

Điều 63. Quy hoạch cây xanh đô thị

1. Yêu cầu đối với quy hoạch cây xanh đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung quy hoạch cây xanh đô thị trong đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

3. Quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên, vườn hoa đô thị thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

Điều 64. Quy định trồng cây xanh trong đô thị

1. Việc trồng cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch cây xanh, quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc trồng cây phải đúng quy trình, yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách giữa các cây trồng và khoảng cách tối thiểu đối với lề đường theo Phụ lục II của Quy định này, đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng.

3. Cây bóng mát mới trồng phải được bảo vệ, chống giữ thân chắc chắn, ngay thẳng, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt, trong 2 năm đầu cần duy trì chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, sau thời gian 2 năm phải cắt tỉa, tạo tán để tăng cấu trúc của cây và cắt tỉa đều đặn những năm sau đó, đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

4. Yêu cầu đối với cây trồng:

a) Các loại cây trồng phải đảm bảo: ít sâu bệnh; thân đẹp, dáng đẹp; rễ ăn sâu, không có rễ nổi; lá xanh quanh năm, không rụng lá trơ cành hoặc cây có giai đoạn rụng lá trơ cành vào mùa đông nhưng dáng đẹp, màu đẹp; không có quả gây hấp dẫn côn trùng; không có gai sắc nhọn, hoa quả gây mùi khó chịu; cây trồng trên đường đô thị yêu cầu thân cây thẳng, tán cân đối, tạo được bóng mát, cảnh quan đô thị; cây bóng mát trồng tại khu vực công cộng trong đô thị phải không thuộc danh mục cây cấm trồng theo Phụ lục III của Quy định này;

b) Cây bóng mát đưa ra trồng phải có chiều cao tối thiểu 3,0m và đường kính thân cây tối thiểu 6cm (tại chiều cao 1,3m).

5. Hình thức trồng cây:

a) Trồng cây trên dải phân cách, hè phố, ven quốc lộ:

- Tại các đảo giao thông chỉ trồng cây cảnh, cỏ, hoa, tạo thành mảng màu, không làm ảnh hưởng tầm nhìn của các phương tiện tham gia giao thông.

- Trồng một loại cây trên tuyến phố có chiều dài dưới 2,0km. Đoạn đường dài

trên 2,0km có thể trồng hai loại cây tùy theo từng loại cung đường.

- Trồng trên hè: Trồng thành hàng theo khoảng cách $5,0m \div 10,0m$ (trừ những tuyến đã có cây), hè có bề rộng nhỏ hơn 3,0m trồng cây có chiều cao trưởng thành nhỏ, không vướng đường dây điện trên không và không gây hư hại công trình hiện có.

- Đối với dải phân cách dưới 3,0m không trồng cây bóng mát (trừ những tuyến đã có từ trước) nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì phải có kế hoạch dịch chuyển cây. Dải phân cách trên 3,0m có thể trồng một hàng cây thân thẳng, phân cành cao, tán lá gọn không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn, an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu dải phân cách tối thiểu 10,0m.

- Loại cây trồng đảm bảo đồng đều về chiều cao cây, đường kính thân cây, đường kính tán và khoảng cách trồng giữa các cây.

b) Trồng cây trong công viên, vườn hoa:

- Trồng cây theo thiết kế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Trồng lại cây sau khi dịch chuyển cây, chặt hạ cây chết, cây sâu mục, cây bị đổ.

- Trồng cây thay thế cây cong, nghiêng, xấu, ảnh hưởng cảnh quan và an toàn đô thị.

6. Quy định về ô đất trồng cây: Kích thước và loại hình ô đất được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng tuyến phố, cung đường. Ô đất trồng phải có kích thước phù hợp, đảm bảo an toàn cho người đi bộ, người tàn tật, thuận tiện việc chăm sóc cây. Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải cây xanh để tăng mỹ quan đô thị.

7. Khoảng cách cây trồng đến công trình:

- Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (đường ống cấp nước, thoát nước, đường cáp ngầm) từ $1,0m \div 2,0m$.

- Cây xanh được trồng ở hè cách góc phố tối thiểu 10,0m tính từ điểm đường giao nhau gần nhất, không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

- Cây xanh được trồng cách hòng nước chữa cháy trên đường $2,0m \div 3,0m$, cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga $1,0m \div 2,0m$.

- Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo quy định về hành lang an toàn lưới điện và bảo vệ an toàn các công trình thuộc lưới điện cao áp.

- Cây trồng cách nhà ở hoặc công trình xây dựng từ $2,0m \div 3,0m$. Chú ý trồng cây ở khoảng cách giữa hai nhà dân, không trồng trước cổng hoặc trước chính diện nhà dân.

Điều 65. Vườn ươm cây xanh đô thị

1. Trong quy hoạch cây xanh đô thị cần dành quỹ đất hợp lý để phát triển vườn

ươm cây xanh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xây dựng vườn ươm cây xanh theo quy chuẩn, tiêu chuẩn được Nhà nước ban hành, để phục vụ cho nhu cầu trồng mới, thay thế, chỉnh trang cây xanh đô thị.

2. Giành quỹ đất cho việc làm vườn ươm cây xanh để chủ động trong việc trồng thay thế hàng năm cây xanh trên khu vực quản lý. Tổ chức hoặc cá nhân sử dụng đất để phát triển vườn ươm phải đúng mục đích và đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc nghiên cứu giống cây, thuần hóa cây, công tác tạo giống, ươm giống cây trồng đáp ứng cung cấp cây xanh cho đô thị.

Điều 66. Trồng cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi đô thị

1. Cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi đô thị phải tuân thủ quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trồng cây đúng theo nội dung chấp thuận đầu tư, thiết kế thi công, phù hợp với tiến độ xây dựng công trình và tuân thủ theo Quy định này.

2. Chủ đầu tư các dự án phải đảm bảo thực hiện trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển cây xanh đáp ứng cải thiện môi trường, mỹ quan đô thị khi dự án đi vào hoạt động.

3. Cây xanh thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, chủ đầu tư thực hiện bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo quy định.

Điều 67. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị tổ chức thống kê về số lượng, kiểm tra đánh giá chất lượng, tình trạng phát triển, đánh số cây, lập danh sách, phân loại cây kèm theo bản vẽ vị trí cây cho từng tuyến phố, khu vực đô thị; xây dựng kế hoạch chăm sóc, di chuyển, chặt hạ và trồng thay thế kịp thời. Đối với cây cần bảo tồn, cây cổ thụ, cây nguy hiểm, ngoài việc thống kê, phân loại, đánh số, phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc cây.

Điều 68. Quản lý cây nguy hiểm, cây bảo tồn trong đô thị

1. Tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp cây xanh đô thị phải thường xuyên kiểm tra, xác định mức độ cây nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình; trên cơ sở đó có biện pháp khắc phục kịp thời hoặc lập kế hoạch chặt hạ, di chuyển cây.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra cây thường xuyên, ít nhất một lần mỗi mùa trong năm để có biện pháp xử lý kịp thời hạn chế những rủi ro của cây nguy hiểm và bảo vệ cây bảo tồn.

Điều 69. Cải tạo, trồng thay thế cây đối với các tuyến phố đã có cây xanh đô thị

Các tuyến phố cây xanh đã trưởng thành, nếu khi thấy cần thiết phải cải tạo, thay thế cây đã trưởng thành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập phương án đầu tư

cải tạo, thay thế, trong đó phải xác định cụ thể từng vị trí cây cần thay thế, di chuyển; loại cây, quy cách cây trồng mới; thời điểm chặt hạ, di chuyển, trồng thay thế cây xanh; gửi Sở Xây dựng cho ý kiến thống nhất trước khi tổ chức thực hiện.

Loại cây, quy cách cây trồng thay thế đảm bảo sự phù hợp với hiện trạng cây trên tuyến phố (tương đồng về đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh trưởng) và điều kiện mặt bằng trồng cây.

Điều 70. Bảo vệ cây xanh đô thị

1. Mọi tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đô thị, kịp thời phát hiện tình trạng nguy hiểm của cây; tố giác tổ chức, cá nhân có hành vi phá hoại, khai thác đào bới, dịch chuyển cây xanh trái pháp luật cho chính quyền địa phương, thanh tra xây dựng biết để kịp thời ngăn chặn, xử lý.

2. Các cơ quan quản lý theo phân cấp có trách nhiệm bảo vệ, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về cây xanh, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ cây xanh.

3. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đô thị trên địa bàn theo hợp đồng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 71. Trồng, bảo vệ, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà đất của cơ quan, đơn vị, trường học, tổ chức, cá nhân

1. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị, trường học, tổ chức và cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Cây trồng lẻ, trồng dặm thì tùy thuộc khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây thích hợp;

b) Khoảng cách an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo các quy định hiện hành, thân, rễ không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường các hộ xung quanh và làm hư hại các công trình lân cận thuộc cá nhân, tổ chức khác quản lý.

2. Cơ quan, đơn vị, trường học, tổ chức và cá nhân được thụ hưởng hoa lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên do mình quản lý.

Điều 72. Thẩm quyền cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải có giấy phép theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc địa bàn hành chính quản lý. Mẫu giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Tổ chức cá nhân, có nhu cầu chính đáng về chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

3. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép và giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-

CP.

Điều 73. Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Thời hạn để thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.
2. Đối với việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phục vụ thi công các công trình, dự án thì được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của dự án.
3. Trước khi triển khai việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, đơn vị thực hiện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cây xanh biết trước ít nhất 02 ngày làm việc.
4. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải đảm bảo kỹ thuật an toàn về con người, tài sản của tổ chức, cá nhân, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường. Trường hợp không đủ năng lực thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải hợp đồng thuê đơn vị có năng lực chuyên trách.

Điều 74. Trường hợp đặc biệt cần chặt hạ, dịch chuyển ngay đối với cây xanh đô thị (không phải cấp phép)

1. Trường hợp khẩn cấp cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị ngay do thiên tai hoặc cây có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm thì tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hiện trường Phụ lục IV của Quy định này; chụp ảnh hiện trạng cây xanh; thực hiện ngay việc chặt hạ, dịch chuyển cây và chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Trường hợp cây xanh đô thị đã bị gãy đổ thì tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, quản lý có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hiện trường; chụp ảnh hiện trạng cây xanh; dọn dẹp, giải tỏa mặt bằng và chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc giải tỏa mặt bằng phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 75. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng:
 - a) Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh;
 - b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý, giới thiệu các quy trình kỹ thuật chuyên ngành và các văn bản cụ thể về quản lý cây xanh đô thị;
 - c) Chủ trì cùng các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức lập đề án phát triển hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn, phù hợp với thời hạn quy hoạch xây dựng vùng tỉnh;
 - d) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch, vốn đầu tư công để đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị; cân đối kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh để phục vụ công tác duy trì cây xanh đô thị;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quản lý, sử dụng nguồn thu tài sản từ việc chặt hạ, thanh lý cây xanh đô thị.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển cây xanh đô thị.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Các Sở, Ban, Ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị và Quy định về quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm tham gia thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị có ảnh hưởng đến cây xanh đô thị

Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, trường hợp có ảnh hưởng đến cây xanh đô thị thì chủ đầu tư công trình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị trực tiếp quản lý cây xanh để có biện pháp bảo đảm sự an toàn cho cây xanh đô thị.

Điều 77. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền vận động, kiểm tra các khu dân cư, tổ dân phố, nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ cây xanh đô thị, xã hội hóa phát triển cây xanh đô thị và thực hiện giám sát trên địa bàn.

2. Tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển cây xanh, vườn hoa, công viên trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

3. Tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị theo quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát và tổ chức nghiệm thu theo quy định.

4. Tổ chức cấp giấy phép chặt hạ, di chuyển cây xanh đô thị; chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc, phối hợp cùng đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị, kiểm tra quá trình thực hiện chặt hạ, cắt sửa, dịch chuyển cây.

5. Kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý vi phạm về công tác quản lý cây xanh đô thị theo phạm vi quản lý.

6. Tổ chức lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị: thống kê phân loại cây, đánh số cây; lập hồ sơ quản lý đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm.

7. Định kỳ tổng hợp tình hình quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý, gửi về Sở Xây dựng để Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

8. Đối với đô thị chưa có đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị, tiến hành lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị chuyên ngành để thực hiện.

Điều 78. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

1. Thực hiện việc quản lý, duy trì, bảo vệ cây xanh đô thị theo đúng nội dung hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đô thị đã ký với Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị, thống kê phân loại cây, đánh số cây, lập hồ sơ quản lý đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn ở đường phố, công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác.

Điều 79. Trách nhiệm của các đơn vị điện lực, viễn thông, cấp nước, thoát nước

Trong quá trình thi công, xử lý kỹ thuật công trình, có trách nhiệm thông báo, phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã để đảm bảo mỹ thuật, kỹ thuật, sự an toàn của cây xanh và tuân thủ đúng theo Quy định này.

Chương VIII
PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGHĨA TRANG VÀ
CƠ SỞ HỎA TÁNG (TRỪ NGHĨA TRANG LIỆT SỸ)

Điều 80. Quản lý nhà nước và phân cấp quản lý về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Phân loại nghĩa trang: Tùy theo đối tượng phục vụ, hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh được phân thành: Nghĩa trang cấp tỉnh, nghĩa trang cấp xã:

a) Nghĩa trang cấp tỉnh phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân sinh sống trên địa bàn toàn tỉnh Phú Thọ, không phân biệt địa giới hành chính;

b) Nghĩa trang cấp xã phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân trên địa bàn xã theo địa giới hành chính quản lý.

2. Đối với các nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, ngoài các đối tượng được táng nêu tại khoản 1 Điều này, các trường hợp khác nếu có nguyện vọng thì phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp quản lý tại khoản 3 Điều này. Đối với các nghĩa trang do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng theo hình thức xã hội hóa, đối tượng phục vụ thể hiện cụ thể theo dự án đầu tư xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hệ thống nghĩa trang các cấp và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh, trực tiếp tổ chức quản lý việc khai thác, sử dụng hệ thống nghĩa trang cấp tỉnh, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với hệ thống nghĩa trang cấp xã trên địa bàn quản lý, trực tiếp tổ chức quản lý việc khai thác, sử dụng hệ thống nghĩa trang cấp xã được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Điều 81. Các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Tỉnh Phú Thọ khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn và được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng nghĩa trang và sử dụng các hình thức táng mới văn minh hiện đại, không sử dụng đất, góp phần thay đổi tập quán cũ, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường.

3. Chủ đầu tư nghĩa trang xã hội hóa có trách nhiệm dành một phần quỹ đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng để Ủy ban nhân dân các cấp giải quyết việc phục vụ đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn. Tỷ lệ đất để lại phục vụ đối tượng chính sách xã hội tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được duyệt.

Điều 82. Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Nhiệm vụ, nội dung, hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

2. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành.

Điều 83. Quản lý sử dụng đất trong nghĩa trang

1. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải đúng theo quy hoạch, theo vị trí khu mộ, hàng mộ và phần mộ. Việc sử dụng đất mai táng, phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Việc giao đất mai táng trong nghĩa trang phải thực hiện lần lượt trong khu mộ, hàng mộ theo quy hoạch, quy chế quản lý và dự án đầu tư được phê duyệt.

3. Cho phép hợp đồng đăng ký trước phần mộ tại các nghĩa trang xã hội hóa.

4. Đối với nghĩa trang các cấp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, cho phép hợp đồng đăng ký trước phần mộ cho các đối tượng, gồm: người từ 70 tuổi trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định do Bộ Y tế ban hành, người có vợ hoặc chồng đã được an táng trong nghĩa trang.

Hồ sơ đăng ký nộp tại đơn vị quản lý nghĩa trang theo phân cấp tại Điều 80 quy định này. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết theo quy định tại khoản 5, Điều 14, Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

5. Không cho phép mua bán sang nhượng phần mộ đã đăng ký trước đối với các đối tượng nêu tại khoản 4 Điều này dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 84. Thẩm quyền quyết định đóng cửa nghĩa trang

1. Các nghĩa trang phải đóng cửa khi không còn diện tích sử dụng, gây ô nhiễm môi trường và theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch ngành có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đóng cửa nghĩa trang cấp tỉnh, nghĩa trang cấp xã trên địa bàn.

Điều 85. Lựa chọn đơn vị quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng lựa chọn đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để quản lý nghĩa trang cấp tỉnh, cơ sở hỏa táng;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật quản lý nghĩa trang cấp xã;

c) Việc lựa chọn đơn vị quản lý thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hoặc thuê đơn vị quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng theo hình thức xã hội hóa.

Điều 86. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng

1. Giá dịch vụ nghĩa trang (dịch vụ tổ chức tang lễ; dịch vụ hỏa táng, lưu giữ bình tro, cốt sau hỏa táng; dịch vụ vận chuyển linh cữu, tro cốt và lưu bình tro, cốt sau hỏa táng; dịch vụ chôn cất và xây dựng mộ; dịch vụ chăm sóc, bảo quản, bảo trì, vệ sinh môi trường) phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và phải được niêm yết công khai.

2. Đối với các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng tổ chức lập, Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư lập giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân và giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trình Sở Xây dựng cho ý kiến về sự phù hợp của phương án giá (gồm phương pháp xác định, các yếu tố đầu vào để xác định chi phí, định mức (nếu có), mức giá...) đối với giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân và giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trước khi phê duyệt.

Điều 87. Quy chế quản lý nghĩa trang

1. Các nghĩa trang phải xây dựng quy chế quản lý.

2. Nội dung cơ bản của quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp tỉnh được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, theo đề nghị của Sở Xây dựng;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp xã được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn;

c) Tổ chức, cá nhân phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang do mình đầu tư xây dựng, sau khi ban hành phải gửi quy chế cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, giám sát và kiểm tra việc thực hiện.

Điều 88. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, khen thưởng

1. Thanh tra nhà nước tỉnh, các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng của tổ chức, cá nhân có liên quan đúng theo các quy định của pháp luật về Thanh tra, kiểm tra.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ngăn chặn hoặc phải thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thanh tra nhà nước biết để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn.

3. Mọi vi phạm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính theo quy định hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Trường hợp

các vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm ngoài việc bị xử lý hành chính còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định.

4. Cá nhân, tập thể có những đóng góp tiêu biểu vào việc quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 89. Xử lý những tồn tại và các chính sách hỗ trợ việc táng không sử dụng đất, di chuyển phần mộ riêng lẻ vào nghĩa trang tập trung

1. Khuyến khích các hộ gia đình sử dụng các hình thức táng mới văn minh hiện đại, không sử dụng đất, góp phần thay đổi tập quán cũ, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường.

2. Các hộ gia đình có phần mộ nằm ngoài nghĩa trang có trách nhiệm di chuyển vào nghĩa trang tập trung các cấp.

3. Khuyến khích việc cải tạo lại các phần mộ đã xây dựng trước đây để tuân theo kích thước, kiểu dáng thống nhất quy hoạch xây dựng nghĩa trang được duyệt.

4. Đối với các phần mộ không nằm trong các nghĩa trang đã được xác định vị trí, ranh giới: Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, tuyên truyền, vận động, yêu cầu các hộ gia đình có phần mộ nằm ngoài nghĩa trang có trách nhiệm di chuyển vào nghĩa trang tập trung các cấp; rà soát đóng cửa các khu chôn cất tự phát trên địa bàn hành chính quản lý.

Điều 90. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hệ thống nghĩa trang các cấp và cơ sở hỏa táng trên địa bàn;

b) Tổng hợp tình hình xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng;

c) Kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về đất đai và môi trường đối với các hoạt động của hệ thống nghĩa trang các cấp và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và thực hiện giao đất, cho thuê đất đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn các Chủ đầu tư trong công tác đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Y tế:

a) Hướng dẫn thực hiện việc đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường các nghĩa trang theo quy định hiện hành;

b) Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an toàn, vệ sinh phòng dịch trong các hoạt động mai táng.

4. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các chế độ, chính sách xã hội đối với các đối tượng chính sách xã hội trong việc mai táng khi chết theo quy định;

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn được mai táng tại quỹ đất để lại của các nghĩa trang xã hội hóa đã được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

5. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động liên quan đến xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chính sách hỗ trợ chi phí táng, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thân nhân, tổ chức trực tiếp lo việc táng của những người sử dụng hình thức táng mới văn minh hiện đại, không sử dụng đất góp phần làm thay đổi tập quán cũ, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tham mưu cơ quan có thẩm quyền cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi, kêu gọi đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo hình thức xã hội hóa; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch, vốn đầu tư cho các hoạt động có liên quan đến xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ chi phí táng, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cho những gia đình có người sử dụng hình thức táng mới văn minh hiện đại, không sử dụng đất góp phần làm thay đổi tập quán cũ, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường;

b) Tuyên truyền, vận động trong nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật đối với hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; khuyến khích sử dụng các hình thức táng mới văn minh hiện đại, tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền thực hiện các hình thức táng văn minh, tiết kiệm đất đai, bảo vệ môi trường.

Điều 91. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa

trang và cơ sở hỏa táng đã được quy định cụ thể tại Quy định này.

2. Quản lý quỹ đất để lại của các nghĩa trang xã hội hóa đã được đầu tư xây dựng hạ tầng giải quyết việc phục vụ đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn tỉnh.

3. Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình ký cam kết thực hiện táng người chết trong nghĩa trang; đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường; phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

4. Rà soát đóng cửa các khu chôn cất tự phát; thống kê, vận động các hộ gia đình có phần mộ nằm ngoài nghĩa trang có trách nhiệm di chuyển vào nghĩa trang tập trung các cấp.

5. Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hoạt động về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định pháp luật.

6. Tổng hợp tình hình xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Sở Xây dựng.

Điều 92. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng có trách nhiệm:

a) Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đúng theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện đúng theo quy chế quản lý nghĩa trang và giá dịch vụ nghĩa trang, giá dịch vụ hỏa táng do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang, cơ sở hỏa táng;

d) Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng cho người có nhu cầu, bảo đảm chất lượng dịch vụ;

đ) Thực hiện việc cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng nghĩa trang theo yêu cầu;

g) Chịu sự quản lý, giám sát, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng từ nguồn vốn ngoài ngân sách, ngoài việc thực hiện đầy đủ những quy định tại khoản 1 Điều này còn phải:

a) Ban hành quy chế quản lý nghĩa trang sau khi có ý kiến tham gia của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã, gửi cho Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án để quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện;

b) Bàn giao quỹ đất để lại phục vụ đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án quản lý;

c) Quyết định ban hành giá dịch vụ nghĩa trang, giá dịch vụ hỏa táng trên cơ sở đã được Sở Xây dựng cho ý kiến về sự phù hợp của phương án giá (gồm phương pháp xác định, các yếu tố đầu vào để xác định chi phí, định mức (nếu có), mức giá...) đối với giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân và giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

Chương IX

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

Điều 93. Phân cấp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp nguồn vốn trung ương được giao cho một tổ chức quản lý) và nhận bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ các cá nhân, tổ chức tự đầu tư, thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 94. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trong công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn phải xác định rõ hướng tuyến, quy mô, số lượng, chủng loại công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt hoặc khi lập dự án đầu tư nhưng chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, việc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc thỏa thuận lập dự án phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 95. Yêu cầu đối với khảo sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác khảo sát phải thể hiện hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn; hiện trạng và chủ sở hữu các công trình ngầm, nổi hiện có tại khu vực khảo sát và phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình, theo Khoản 1 Điều 18, Khoản 1 Điều 19 Nghị định 39/2010/NĐ-CP và theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Điều 96. Quy định về thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy phạm chuyên ngành đối với từng loại công trình và theo khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP.

2. Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung trên các tuyến đường, phố, các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thì phải thỏa thuận với Sở Xây dựng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

3. Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung phải phù hợp với đặc điểm của từng tuyến đường, khu phố và đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

a) Đối với tuyến đường, phố có bề rộng vỉa hè (B_h) $\geq 5,0m$ thì phải thiết kế hào kỹ thuật để hạ ngầm các công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Đối với các tuyến đường, phố có lộ giới $L \geq 25,0\text{m}$, có bề rộng vỉa hè $B_h \geq 5,0\text{ m}$ nhưng vướng nhiều công trình ngầm, công trình nổi không thể bố trí hệ thống hào kỹ thuật hoặc có bề rộng vỉa hè $2,0\text{m} \leq B_h < 5,0\text{m}$ thì phải thiết kế cống, bể kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây, đường cáp thông tin viễn thông, cáp truyền hình và thiết kế ống riêng để hạ ngầm cáp điện lực, cáp chiếu sáng. Riêng đối với các đoạn lắp đặt ngầm qua đường tại các nút giao thông phải thiết kế hào kỹ thuật;

c) Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ thì chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình phải có văn bản chấp thuận ngay từ khi lập dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Khi thiết kế tuy nen, hào; cống, bể kỹ thuật thì chủ đầu tư và đơn vị thiết kế phải phối hợp, thỏa thuận với các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm cũng như các đơn vị sử dụng đường dây đi nổi để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành cũng như đáp ứng không gian ngầm cho phát triển của các công trình này trong tương lai, phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 97. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 98. Quy định về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, giấy phép thi công trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại Luật Xây dựng 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc cấp giấy phép thi công các công trình nằm trên phần đất dành cho đường bộ thực hiện theo các quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2024 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 99. Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo việc khởi công công trình đến Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ sở hữu các công trình ngầm (nổi) tại khu vực thi công theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 39/2010/NĐ-CP và Điều 106 Luật Xây dựng để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công.

2. Nhà thầu xây lắp phải có biện pháp thi công bảo đảm an toàn cho hoạt động bình thường của các tuyến đường dây, đường cáp, đường ống, các công trình ngầm và các công trình khác cũng như bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

3. Nhà thầu xây lắp phải bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ thi công công trình cũng như các quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình hiện hành.

4. Có kế hoạch và chuẩn bị sẵn sàng các phương án khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: Gập tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bụi, vỡ nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công trình.

Điều 100. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi đưa vào sử dụng

Trước khi đưa công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào khai thác sử dụng phải thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra nghiệm thu theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 101. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng và nhà thầu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ theo quy định của từng chuyên ngành.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 102. Trách nhiệm đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước khi xây dựng các tuyến đường giao thông mới trên địa bàn hành chính của xã.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước khi xây dựng các tuyến đường giao thông mới trên địa bàn hành chính từ hai xã trở lên.

3. Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm đề xuất đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông mới do mình làm chủ đầu tư.

4. Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu nhà ở, khu nhà ở công nhân có trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi dự án được chấp thuận.

Điều 103. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi đối với các tuyến đường đã xây dựng.

1. Đối với các tuyến đường, phố đã xây dựng hoặc các đô thị cũ, đô thị cải tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Khi cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước hoặc kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng các tuyến cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nê kỹ thuật để từng bước hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi hoặc giao trách nhiệm cho các chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật tổ chức cải tạo, nâng cấp tuyến cống, bể ngầm hiện có bảo đảm khai thác tối đa năng lực sử dụng chung của các công trình hạ tầng kỹ thuật đó.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào các tuyến đường bộ, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được giao quản lý, chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ngành, các tổ chức cá nhân liên quan khảo sát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi, đề xuất cải tạo, di chuyển, sắp xếp vị trí vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Các tổ chức, cá nhân sở hữu, khai thác, sử dụng đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn tỉnh căn cứ vào danh mục công bố các tuyến phố, các khu đô thị, khu dân cư phải ngầm hóa để xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo ngầm hóa các công trình, đồng thời có trách nhiệm phối hợp, tham gia và phải đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp đi nổi của mình quản lý theo kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm phối hợp cùng chủ sở hữu của hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi tiến hành thu hồi các cột, đường dây, cáp đi nổi không sử dụng. Cơ quan quản lý về xây dựng tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc thu hồi này.

Điều 104. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

b) Thỏa thuận về hướng tuyến, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận với dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi dự án chưa có trong quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định;

d) Tổ chức kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

đ) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định;

g) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

h) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan hướng dẫn phương pháp xác định kích thước của hào, tuynel kỹ thuật;

i) Cung cấp thông tin về hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường bộ và các tài liệu có liên quan khác do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến lĩnh vực Bru chính Viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn công ty điện lực và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng;

c) Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ

Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp là chủ đầu tư các khu công nghiệp thực hiện đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các khu công nghiệp do mình quản lý, với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

Điều 105. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường đô thị do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

4. Lập dự án và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp các đường dây đi nổi trong địa giới hành chính quản lý.

5. Thỏa thuận, cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan đề xuất danh mục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

7. Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

Điều 106. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo Luật Xây dựng.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng phải thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác, gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

PHỤ LỤC I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN, CẤP PHÉP VỀ KẾT CẤU HẠ
TẦNG ĐƯỜNG BỘ

- Mẫu số 1: Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (Mẫu đơn được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ);

- Mẫu số 2: Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (Mẫu văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ);

- Mẫu số 3: Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (Mẫu đơn được quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ);

- Mẫu số 4: Giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (Giấy phép thi công nút giao đầu nối được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ).

Mẫu số 1: Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC

Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Kính gửi:.....(3)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ... [ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối (trừ vị trí đầu nối không phải chấp thuận vị trí theo quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024); dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối];

Căn cứ hồ sơ thiết kế... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 của Quy định này, do (4).... (ghi tên tổ chức tư vấn lập, trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2)... đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ)... do tổ chức tư vấn.... lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt) và được gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

(2)... cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông,

an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường; không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu

(2)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào đường bộ đang khai thác
- (4) Tên tổ chức tư vấn.

Mẫu số 2: Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày tháng năm 20...

Về việc chấp thuận thiết kế nút
giao đầu nối vào... (ghi bên
trái/hoặc bên phải tuyến) km...
(ghi lý trình) đường (ghi tên,
số hiệu đường bộ).

Kính gửi: - (ghi tên đơn vị đề nghị chấp thuận nút giao đầu nối);

- (ghi tên cơ quan cấp phép thi công nút giao đầu nối trong trường
hợp cơ quan cấp phép nút giao đầu nối khác cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu
nối),

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77
Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết
cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ
tầng đường bộ và tổ chức giao thông đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân
tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ... (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối trừ vị trí
đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày
26 tháng 12 năm 2024; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ
đầu tư xây dựng nút giao đầu nối);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải
tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... (ghi tên, số hiệu đường bộ)...
..... (ghi cơ quan chấp thuận) chấp thuận nút giao đầu nối với các nội dung sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến)
Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ) kèm theo các
yêu cầu khác tại các mục a), b), c)... văn bản này;

2. Các yêu cầu khác đối với tổ chức, cá nhân được chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối tại mục 1 văn bản này như sau:

a)...

b)...

c)...

(Phần ghi các yêu cầu: sửa đổi bổ sung thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao./.

(2)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu ...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong văn bản

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

(2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

Mẫu số 3: Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

(1)

(2)

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI

Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... ... (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Kính gửi:..... (3)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ văn bản... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan....) về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải) tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... ... (ghi tên, số hiệu đường bộ).....;

(2) đề nghị được cấp phép thi công nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... ... (ghi tên, số hiệu đường bộ) trong thời gian thi công từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này;

(2) thi công công trình nút giao: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác;

(2) xin cam kết thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận và đã được phê duyệt; tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT.

(2)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào đường bộ đang khai thác

Mẫu số 4: Giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm 202...

GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI
Công trình: Nút giao đầu nối.....(1).....

Lý trình:..... của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đối với hệ thống đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ văn bản... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan... (2) ... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... (ghi tên, số hiệu đường bộ)...;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:.....(3)

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công nút giao đầu nối vào nút giao... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến) Km... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ)..., theo hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gồm các nội dung chính như sau:

a)

b).....

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến

đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../.../20... đến.... ngày.../.../20

(...2....) **NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-;

-

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế.

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

PHỤ LỤC II

PHÂN LOẠI CÂY BÓNG MÁT TRONG ĐÔ THỊ

Các dạng loại cây xanh tạo bóng mát được trồng trên đường phố các khu vực sở hữu công cộng được phân làm 3 loại dựa trên chiều cao trưởng thành. Khoảng cách giữa các cây trồng phụ thuộc vào phân loại cây. Các quy định cụ thể theo Bảng phân loại cây bóng mát và các yêu cầu kỹ thuật, sau đây:

Số TT	Phân loại cây	Chiều cao	Khoảng cách trồng	Khoảng cách tối thiểu đối với lề đường	Chiều rộng vỉa hè
1	Cây loại 1 (cây tiểu mộc)	$\leq 10\text{m}$	Từ 5m đến 10m	0,6m	Từ 3m đến 5m
2	Cây loại 2 (cây trung mộc)	$> 10\text{m}$ đến 15m	Từ 5m đến 10m	0,8m	Trên 5m
3	Cây loại 3 (cây đại mộc)	$> 15\text{m}$	Từ 5m đến 10m	1m	Trên 5m

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÂY BÓNG MÁT KHUYẾN KHÍCH TRỒNG, HẠN CHẾ TRỒNG,
CẨM TRỒNG KHU VỰC CÔNG CỘNG TRONG ĐÔ THỊ

1. Danh mục cây khuyến khích trồng

STT	Loài cây		Khu vực khuyến khích trồng		
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Vĩa hè	Giải phân cách	Khuôn viên, công viên, vườn hoa
1	Ban các loại	Bauhinia variegata	x	x	x
2	Bàng Đài loan (Bàng lá nhỏ)	Terminalia mantaly	x	x	x
3	Bằng lăng tím	Lagerstroemia speciosa	x		x
4	Giáng hương (Sưa vườn)	Pterocarpus macrocarpus	x		x
5	Ngọc lan vàng	Magnolia champaca	x	x	x
6	Lan tua (Lan tây)	Cananga odorata	x	x	x
7	Ngọc lan trắng	Magnolia × alba	x	x	x
8	Long não	Cinnamomum camphora	x		x
9	Móng bò tím (Hoàng hậu)	Bauhinia purpurea	x		x
10	Muồng đen (Muồng xiêm)	Cassia siamea	x		x
11	Muồng hoàng yến (Osaka hoa vàng)	Cassia fistula	x	x	x
12	Muồng ngủ (Muồng tím)	Samanea saman	x	x	x

13	Phượng tím	Jacaranda mimosifolia	x	x	x
14	Osaka hoa đỏ (Vông mào gà)	Erythrina fusca	x	x	x
15	Sang	Sterculia lanceolata	x		x
16	Lát hoa	Chukrasia tabularis	x		x
17	Lim xẹt (Phượng vàng)	Peltophorum pterocarpum	x		x
18	Lộc vùng	Barringtonia acutangula	x		x
19	Sau sau (Phong hương)	Liquidambar formosana	x		x
20	Vàng anh	Saraca dives	x		x
21	Chiêu liên	Terminalia chebula	x	x	x
22	Thần mát (Sua trắng)	Millelia ichthyochtona	x		x
23	Sao đen	Hopea odorata	x		x
24	Mí	Lysidice rhodostegia	x		x
25	Sếu (cơm nguội)	Celtis sinensis	x		x
26	Bánh dày (Đậu dầu)	Pongamia pinnata	x		x
27	Dầu rái (Dầu nước)	Dipterocarpus alatus	x	x	x
28	Me	Tamarindus indica	x		x
29	Sấu	Dracontomelon duperreanum	x		x

2. Danh mục cây hạn chế trồng

STT	Loài cây		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Bàng ta	Terminalia catappa L	- Dễ bị sâu (gây ngứa khi

			đụng phải) - Trồng khu dân cư, khuôn viên trường học
2	Các loại cây ăn quả khác có rễ sâu, chống chịu được gió bão (Mít, Vú sữa, Nhãn, Thị, Xoài, Muối...))		- Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo, quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố - Trồng trong khuôn viên cơ quan, vườn hoa, công viên
3	Cau vua	<i>Roystonea regia</i> O.F. Cook	- Bẹ lá to, cứng, gây nguy hiểm cho người, công trình và phương tiện - Trồng trong khuôn viên cơ quan, vườn hoa, công viên
4	Cọ ta	<i>Livistona laribus</i> Merr.ex Champ	- Quả khuyến khích leo trèo, gây mất vệ sinh đường phố - Trồng trong khuôn viên cơ quan, vườn hoa, công viên, giải phân cách
5	Da, Sung, Sanh	<i>Ficus</i> spp	- Các loài da có rễ phụ làm hư hại công trình và dạng quả sung ảnh hưởng vệ sinh môi trường - Phù hợp trong khuôn viên chùa, công viên, công trình di tích văn hóa lịch sử
6	Dâu da xoan	<i>Spondias lakonensis</i>	Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo, quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố - Chỉ trồng trong khuôn viên cơ quan

7	Dừa	<i>Cocos nucifera</i> L	- Quả to, rụng gây nguy hiểm - Trồng trong vườn hoa, công viên
8	Sữa (Mò cua)	<i>Alstonia scholaris</i> L.R.Br	- Cành nhánh giòn, dễ gãy. Hoa có mùi gây khó chịu kho người - Trồng tại khu vực ít dân cư sinh sống
9	Si	<i>Ficus benjamina</i> linn	- Có rễ phụ làm hư hại công trình. Không cấm trồng đối với cây được trồng làm cây cảnh tạo tán - Phù hợp trong khuôn viên chùa, công viên, công trình di tích văn hóa lịch sử
10	Xà cừ (Sọ khi)	<i>Khaya senegalensis</i> (Desr.) A.Juss	- Rễ ăn ngang, lồi trên mặt đất (gây hư vỉa hè, mặt đường và có thể ảnh hưởng giao thông). - Trồng trong công viên, vườn hoa
11	Phượng vĩ	<i>Delonix regia</i>	- Cây rễ nổi làm hư hỏng vỉa hè, hay bị mục rỗng, nguy cơ mất an toàn. - Trồng trong khuôn viên cơ quan, vườn hoa, công viên; Trồng dặm lại những đường phố đã trồng đồng bộ
12	Muồng hoa đào	<i>Cassia javanica</i>	- Cành nhánh nhiều, hay bị rệp gây hại. - Cây có hoa đẹp phù hợp trồng tại vườn hoa, công viên

13	Keo lá trà	<i>Acacia auriculiformis</i> A. Cunn. ex Benth	- Cành nhánh giòn, dễ gãy đổ mất an toàn.
14	Keo lai	<i>Acacia mangium</i> x <i>Acacia auriculiformis</i>	- Trồng tại hành lang cách ly khu xử lý chất thải rắn, khu xử lý nước thải
15	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd	
16	Chò nâu	<i>Dipterocarpus tonkinensis</i> chev	- Thân cây gỗ lớn - Trồng trong công viên, quảng trường
17	Sến	<i>Bassia pasquieri</i> h.lec	
18	Nhội	<i>Bischofia javanica</i>	
19	Quếch (gội nước)	<i>Aphanamixis polystachya</i>	
20	Dầu nước	<i>Parashrea stellata</i> kur	
21	Gáo	<i>Sarcocephalus cordatus</i> miq	- Cành nhánh giòn dễ gãy, quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố - Trồng trong công viên, quảng trường
22	Tếch	<i>Tectona grandis</i> linn	- Cây thân gỗ lớn, lá rụng nhiều - Trồng trong công viên, quảng trường
23	Trứng cá	<i>Muntingia calabura</i> L	- Quả khuyến khích trẻ em leo trèo, quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố. Cành nhánh giòn, dễ gãy. - Chỉ trồng trong khuôn viên cơ quan

3. Danh mục cây cấm trồng

STT	Loài cây		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Bạch đàn chanh	<i>Eucalyptus maculata</i> var <i>citriodora</i>	Cây lấy gỗ theo thời vụ từ 5-7 năm, cây có độ cao lớn,

2	Bạch đàn đỏ	<i>Eucapypus hobusta smith</i>	tán thuôn, không có giá trị bóng mát
3	Bạch đàn lá liễu	<i>Eucapypus exerta f.v muell</i>	
4	Bạch đàn trắng	<i>Eucalyptus resinifera smith</i>	
5	Mỡ	<i>Manglietia glauca bl</i>	Cây lấy gỗ theo thời vụ, thân cao, không có giá trị bóng mát
6	Trôm	<i>Sterculia foetida L</i>	Quả to, hoa có mùi
7	Vông đông (Bã đậu)	<i>Hura crepitans L</i>	Mủ và hạt độc
8	Bồ kết	<i>Gleditschia fera (Lour.) Merr</i>	Thân có nhiều gai rất to
9	Cao su	<i>Hevea brasiliensis (A.juss.) Muell.Arg</i>	Cành nhánh giòn, dễ gãy
10	Cô ca cảnh	<i>Erythroxylum novagrana – tense (Morris.) Hieron</i>	Lá có chất Cocain gây nghiện
11	Gòn	<i>Ceiba pentendra(l.) Gaertn.</i>	Cành nhánh giòn, dễ gãy, quả chín phát tán ảnh hưởng vệ sinh đường phố
12	Trúc đào	<i>Nerium oleander L</i>	Thân và lá có chất độc
13	Xiro	<i>Carissa carandas L</i>	Thân và cành nhánh có rất nhiều gai.
14	Trám đen	<i>Canarium nigrum engler</i>	Quả khuyến khích leo trèo, gây mất vệ sinh đường phố, cành nhánh giòn, dễ gãy
15	Mã tiền	<i>Strychnos nux-vomica L</i>	Hạt có chất Strychinine gây độc
16	Gạo	<i>Gossampinus malabarica merr</i>	Thân có gai, cành nhánh giòn dễ gãy; rụng lá hoàn toàn vào mùa đông, hoa rụng gây mất vệ sinh, nguy hiểm cho người tham ra giao thông

PHỤ LỤC IV
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc xác định hiện trường cây xanh

Hôm nay, vào lúcgiờ.....phút, ngàytháng.....năm, tại hiện trường

I. Thành phần gồm:

1. Ông (bà):, chức vụ:
2. Ông (bà):, chức vụ:
3. Ông (bà):, chức vụ:

II. Nội dung: Đoàn tiến hành khảo sát và ghi nhận hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển như sau:

- Địa điểm vị trí cây xanh chặt hạ, dịch chuyển:
 tại đường....., phường (thị trấn).....

huyện (thành phố).....

- Loại cây:....., chiều cao (m):....., đường kính (m):.....

- Hồ sơ quản lý, mã số cây (nếu có):.....

- Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển:.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúcgiờ.....phút và đồng ký tên./.

ĐẠI DIỆN

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN